

Đường vào KALACHAKRA

Phần 1: Bài giảng

Introduction to *Kalachakra* - by Jhado Rinpoche - Bodhgaya, January 2002



Bài giảng sơ khởi - **Đại sư Jhado Rinpoche**
chuẩn bị đại lễ quán đảnh *Kalachakra*
do đức Đạt-lai Lạt-ma truyền tại Bồ đề đạo tràng, Ấn độ, tháng 1 năm 2002

Chưa nhận pháp quán đảnh Kalachakra có thể đọc



Hồng Như (Anh Ho) chuyển Việt ngữ tháng 03 năm 2004.

Hôm nay thầy sẽ nói về *Kalachakra*. Nhiều người trong số các anh chị đến Bồ đề đạo tràng là để nhận pháp quán đảnh *Kalachakra* do đức Đạt-lai Lạt-ma truyền. Thầy rất cảm ơn sự hiện diện của các anh chị. Chính thầy cũng đến đây để nhận pháp quán đảnh, vậy xét trên mặt này, chúng ta giống nhau, cùng đến đây vì *Kalachakra*.

Buổi giảng ngày hôm nay là để giúp các anh chị khỏi phí phạm cơ hội quý báu này. Chúng ta đến đây để giúp đỡ lẫn nhau, vì vậy thầy mong bài giảng tối nay sẽ mang nhiều lợi ích cho tất cả. Thầy xin chia sẻ với các anh chị những gì thầy biết về *Kalachakra*.

Xin đừng nghĩ thầy đến đây để kiếm đệ tử. Thầy không giảng pháp dưới danh nghĩa một đấng đạo sư. Nghe xong bài giảng này, các anh chị không trở thành đệ tử của thầy và thầy cũng không phải là đạo sư của các anh chị. Đây chỉ là một buổi nói chuyện thân mật, thầy đến để chia sẻ hiểu biết.

Bài giảng sẽ kéo dài ít nhất là hai ngày, mỗi ngày dài hai tiếng, từ 6 đến 8 giờ tối. Vì thời gian có hạn, thầy sẽ nói ngắn gọn trong vòng một tiếng rưỡi, còn lại nửa tiếng dành cho các anh chị nêu thắc mắc. Thầy không biết hết về *Kalachakra*, nhưng sẽ cố gắng trả lời mọi câu hỏi. Biết đâu sẽ chẳng có những câu hỏi cực kỳ thông minh, mang lại tầm nhìn mới mẻ về *Kalachakra*, khiến thầy cũng được lợi ích. Vì vậy nửa tiếng còn lại xin các anh chị cứ tự nhiên nêu thắc mắc.

Tóm lược đại ý

Qui y Tam bảo là cánh cửa dẫn vào Phật Pháp, chung cho mọi pháp môn trong Phật đạo. Tâm Bồ đề là cánh cửa dẫn vào Đại thừa. Vậy theo lệ thường, trước khi nghe giảng về Phật pháp, xin các anh chị hãy dọn tâm, phát khởi tâm qui y Tam bảo và tâm Bồ đề, lấy đó làm động cơ nghe giảng. Chúng ta hãy đọc chung với nhau ba lần lời nguyện qui y tam và lời nguyện phát tâm Bồ đề. Ở đây cũng có sẵn mọi vật dụng cần thiết để cúng dường mạn đà la và cúng dường Phật, vậy sau khi đọc lời nguyện qui y và phát tâm Bồ đề, chúng ta đọc thêm lời tụng cúng dường mạn đà la.

Là đệ tử sắp nhận pháp quán đảnh *Kalachakra*, chúng ta cần biết muốn nhận pháp quán đảnh này cần hội đủ những điều kiện nào. Căn cơ của đệ tử có nhiều mức độ, thấp, trung bình và cao, vì vậy điều kiện cần có để nhận pháp quán đảnh cũng có nhiều mức độ, tương ứng với từng trình độ căn cơ của đệ tử trước khi nhận pháp.

Nói chung, khi nhận pháp quán đảnh, các anh chị phải hiểu rõ sự khác biệt giữa Phật giáo và các tôn giáo khác, phải thấy rõ đâu là nét đặc thù của Phật giáo so với tất cả mọi tôn giáo khác.

Đồng thời cũng cần hiểu rõ sự khác biệt giữa các tông phái khác nhau trong Phật giáo. Hiểu được rằng Phật giáo nói chung có thể chia thành hai truyền thống, Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Đại thừa.

Chọn tu theo khế kinh Đại thừa thì đương nhiên trở thành Phật tử Đại thừa. Lúc ấy lại cần phải hiểu vì sao Phật giáo Đại thừa lại được gọi là cỗ xe vĩ đại, phải hiểu đâu là đặc điểm của Phật giáo Đại thừa. Hiểu được tâm vóc quý giá của Đại thừa rồi, lại phải hiểu về sự khác biệt giữa hai tông phái chính trong Đại thừa, là Ba-la-mật thừa¹ và Kim cang thừa². Ba-la-mật thừa thường gọi Đại thừa Hiển tông, còn Kim cang thừa thường gọi là Đại thừa Mật tông.

Khi ấy lại phải tìm hiểu xem vì sao lại nói phương pháp tu Mật tông quý giá thâm diệu hơn phương pháp tu Hiển tông. Mật tông có gì đặc biệt mà gọi là thâm diệu hơn? Chắc chắn không phải vì có nhiều nghi lễ với dụng cụ đẹp đẽ như bình bát, chuông, chày kim cang, tượng ảnh hay nhạc khí. Tất cả những thứ này chỉ là hình thức bên ngoài, tự chúng không thể khiến Mật tông thâm diệu hơn Hiển tông, huống chi cả ngoại đạo cũng có khi dùng những dụng cụ tương tự. Phải nắm vững nội dung của giáo pháp Kim cang thừa, thấy được Kim cang thừa có những đặc điểm gì mà lại gọi là thâm diệu. Đây là điều cần phải hiểu cho thật rõ.

Mật pháp [phương pháp tu Mật] trong Mật tông được phân thành bốn bộ, bộ cao nhất gọi là Mật tông tối thượng du già³. Ở đây cũng vậy, chúng ta cần hiểu rõ vì sao Mật tông tối thượng du già lại được xem là thâm diệu hơn ba bộ còn lại. Đây lại là điều cần phải nắm cho thật vững.

Ngoài ra, các mật pháp thuộc về Mật tông tối thượng du già cũng được phân thành nhiều loại. Có nhiều cách phân loại, tùy theo hệ cựu dịch là dòng *Nyingma*, hay tùy theo hệ tân dịch là ba dòng *Gelug*, *Kagyü* và *Sakya*. Hệ cựu dịch có những phương pháp quán tưởng Pháp chủ du già⁴ đặc biệt, và hệ tân dịch cũng có một vài phương pháp quán tưởng Pháp chủ du già đặc biệt thuộc Mật tông tối thượng du già, ví dụ như *Hevajra*, *Vajrabhairava* và *Chakrasamvara*. Trong số những mật pháp thuộc về Mật tông tối thượng du già, *Kalachakra* ngày nay được toàn cầu biết đến. Trước đây, mật pháp này chỉ được phổ biến quanh vùng Tây tạng, Mông cổ và Ấn độ, nhưng ngày nay được nhiều người trên toàn thế giới biết đến. Điều này chúng ta sẽ có dịp nhắc đến trong lần nói chuyện sau.

¹ *Paramitayana*

² *Vajrayana*

³ *anuttarayogatantra*

⁴ *deity yoga*

Để hướng dẫn các anh chị tìm hiểu thêm về *Kalachakra*, thầy sẽ giải thích về chức năng huân tập của pháp quán đánh trong giai đoạn phát khởi¹ và trong giai đoạn viên thành¹. Các anh chị cần tìm hiểu trong khi nhận pháp quán đánh mình phải quán tưởng những gì, sau đó sẽ nhận về loại ấn tượng nào, sẽ phải tu theo phương pháp nào, và tu như vậy là để thành tựu những gì. Nếu các anh chị chịu khó học hỏi ghi nhớ ý nghĩa và quá trình diễn tiến của pháp quán đánh, vậy đến khi ngồi nhận pháp, các anh chị sẽ không ngỡ ngàng, vì hiểu được đại khái những gì xảy ra trong buổi truyền pháp.

1. Đặc điểm của Phật Giáo

Như đã nói trong phần đại ý, điều đầu tiên nên biết, là Phật giáo khác ngoại đạo như thế nào. Trên thế giới có nhiều tôn giáo, vậy Phật giáo có gì đặc biệt? Chắc chắn không phải đặc biệt vì nghi lễ cúng dường, cúng hoa, cúng hương, qui đánh lễ, vãn vãn. Việc như vậy chưa chắc đã là Phật Pháp. Làm như vậy chưa chắc đã là Phật tử.

Khế kinh có nói, qui y là nương dựa nơi Phật Pháp Tăng để tìm đường giải thoát. Phật Pháp Tăng là Tam bảo, đối tượng của tâm qui y, có khả năng chở che khỏi mọi khổ não. Chở che không chỉ trong một đời, mà cho mọi kiếp về sau và mãi mãi. Tam bảo sẽ luôn giúp chúng ta thành tựu mục tiêu cao nhất. Trong cảnh sống luân hồi, bất cứ vấn đề nào, khổ đau nào, cũng đều phát xuất từ nghiệp chướng phiền não tích lũy trong dòng tâm thức của chúng ta. Vì tích tụ nghiệp chướng phiền não trong tâm thức mà tạo quả là những kinh nghiệm khổ đau phải trải qua trong cuộc sống.

Qui y Tam bảo là quay về nương dựa nơi Tam bảo, nhờ đó có thể thoát được nghiệp chướng phiền não, thành tựu kết quả tối hậu là cởi thoát toàn diện mọi khổ đau và nguyên nhân của khổ đau. Về nương dựa Tam bảo để giải thoát khổ đau là động cơ tu hành chính của Phật tử căn cơ thấp.

Trong khế kinh, Phật dạy nên qui y tại tâm của mình, không qui y nơi nào khác. Ví dụ có người trong tâm thức tích lũy ác nghiệp nhiều đời, đời này lại để tâm mình mặc sức tham sân si, vậy chắc chắn sẽ phải chịu quả khổ. Còn ngược lại mỗi khi tâm bất thiện nổi lên, nếu biết cố gắng áp dụng biện pháp hoá giải, ác nghiệp sẽ từ

¹ *generation stage*

từ thanh tịnh, trí giác mỗi lúc mỗi thêm khai mở, tâm từ từ thuần hóa, càng lúc càng có khuynh hướng tạo nghiệp lành, càng có khả năng hóa giải ác nghiệp, cứ như vậy sẽ có lúc thành tựu cái gọi là tận diệt khổ đau, giải thoát luân hồi.

Khế kinh có nói muốn giải thoát không cần phải rời bỏ nơi này để đến một cõi đặc biệt nào khác. Khổ đau có thể tận diệt ngay trong thân tâm này. Thân tâm chúng ta đây vốn có đủ mọi tiềm năng để thành tựu nguồn an lạc tối thượng, chỉ cần tìm ra đường tu chính xác, phương pháp tu chính xác, rồi nỗ lực tu hành. Phật nói như vậy: “Phật đạo, là con đường giải thoát”.

Con đường giải thoát không có trong các tôn giáo khác. Tôn giáo khác có thể nói nếu các anh chị tu như thế này, thiền như thế kia, sẽ được phép thân thông ví dụ như bay trên không hay chui trong đất [khinh công, độn thổ], sẽ được thành tựu tâm linh thế này hay thế khác. Tôn giáo khác có thể dạy nhiều phương pháp nhập định rất hữu hiệu, nhưng không dạy tu để giải thoát khổ đau.

Phật giáo ngược lại dạy nhiều cách tu để giải thoát khổ đau, thành tựu an lạc tối thượng. Đây không chỉ là lời nói suông, thực sự các anh chị có thể đạt đến kết quả ấy. Vọng tưởng và phiền não trong tâm các anh chị chỉ là những hiện tượng sinh diệt, khi có, khi không. Nếu chịu khó tu, nếu gặp vị đạo sư đủ khả năng hướng dẫn, và nếu chính mình có chí tu học, có căn cơ cao, thì chắc chắn chúng ta sẽ có thể thoát khổ đau đạt nguồn an lạc tối thượng ngay trong thân tâm này, ngay trong kiếp sống hiện tại này.

Giá trị của Phật giáo không phải nằm ở chỗ nghèo thì cầu Phật độ cho giàu, bệnh thì cầu Phật độ cho khỏi bệnh, hay lỡ làm ăn buôn bán thua lỗ thì cầu Phật độ cho phát tài. Thật sự mà nói, dù những phép lạ như vậy có thật sự xảy ra đi nữa, cũng chẳng có gì đáng nói, chẳng thể vì vậy mà gọi Phật giáo là quý giá. Các anh chị cần hiểu rõ phần cốt tủy để thấy được giá trị đích thực của Phật đạo.

¹ completion stage

2. Đặc điểm của Đại thừa

Điểm quan trọng thứ hai là sự khác biệt giữa hai cỗ xe Phật giáo, là cỗ xe Bồ tát và cỗ xe Thanh văn. Hai cỗ xe này còn được gọi là cỗ xe lớn, Đại thừa, và cỗ xe nhỏ, Tiểu thừa. Vì sao lại nói rằng Đại thừa thâm diệu hơn? Thật ra Thanh văn thừa là giáo pháp dành để đáp ứng một số nhu cầu của Phật tử, chưa phải là thành tựu cao nhất. Muốn hoàn thành trọn vẹn con đường Phật dạy, triệt bỏ toàn diện phiền não ô nhiễm, thành tựu chức năng bồ đề, người tu cần theo con đường Đại thừa, cần hành trì theo phương pháp tu dành cho Bồ tát.

Nói có Tiểu thừa và Đại thừa, hoàn toàn không phải để nói trong Phật Pháp có sự phân chia cao thấp, tốt xấu giữa giáo pháp này hay giáo pháp khác. Giáo pháp toàn hảo là giáo pháp thích hợp với căn cơ của người tu, vì vậy Phật giáo không bao giờ khinh rẻ xem thường bất cứ giáo pháp nào. Thái độ như vậy sai lầm và tai hại.

Đức Phật Thích ca mâu ni xuất hiện cõi thế, tu hạnh bồ đề, có nhiều đệ tử thanh văn theo tu học, điển hình là hai ngài Mục kiên liên và Xá lợi phất. Hai vị này tu hạnh thanh văn, đạt quả A-la-hán. Vì sao các vị đại đệ tử gần đức Thế tôn như vậy mà lại không thành tựu vô thượng bồ đề? Lý do Phật thành tựu vô thượng bồ đề, là vì khi còn trong giai đoạn mới tu học, Phật cầu giác ngộ cũng là vì lợi ích chúng sinh mà cầu. Rồi trong giai đoạn còn đang tu học, Phật tích lũy hai bồ công đức phước tuệ để thành Phật, cũng là vì lợi ích của chúng sinh mà tích lũy. Rồi cuối cùng khi Phật thành tựu quả vị Phật, cũng là vì lợi ích của chúng sinh mà thành tựu. Tất cả đều dựa trên căn bản của tâm Bồ đề, vì lợi ích của chúng sinh. Đến khi thành tựu vô thượng bồ đề, Phật có khả năng buông xả mọi phiền não cùng tập khí của phiền não. Như vậy nhờ buông xả toàn bộ mọi mê lầm phiền não mà Phật thành tựu trí toàn giác, có được khả năng thấy biết tất cả mọi hiện tượng ở mọi nơi, trong mọi lúc.

Còn các vị A-la-hán như ngài Xá lợi phất hay Mục kiên liên, không thể nói là thành tựu của các ngài ngang với thành tựu của Phật. Các ngài chỉ mới xả bỏ được một phần, nhưng chưa thể xả bỏ toàn bộ chướng ngại áng ngữ trí toàn giác. Có thể nói là các ngài chỉ mới thành tựu được một phần của tâm buông xả, chưa phải là tâm buông xả trọn vẹn. Nói về mức độ giác ngộ, A-la-hán không đầy đủ tánh đức của

Phật đà, vì vậy mà gọi là A-la-hán, không gọi là Phật. Các ngài như Xá lợi phất và Mục kiền liên chưa thành tựu được quả vị Phật, mà thành tựu quả A-la-hán.

Xét theo đó, mục đích cao nhất phải là đạt mọi tánh đức của tâm buông xả rốt ráo và tâm giác ngộ rốt ráo. Điều này ai cũng có thể đạt đến nếu noi theo gót chân Phật. Trước tiên phát tâm Bồ đề [là tâm nguyện đạt giác ngộ vì lợi ích chúng sinh], tiếp theo tích lũy hai bồ phước tuệ trong thời gian dài ba thời kỳ vô số, và cuối cùng đạt đến tâm buông xả viên mãn, thành tựu giác ngộ viên mãn. Chỉ có con đường Đại thừa mới dẫn đến quả vị Phật như vậy. Vì vậy mà nói Đại thừa vĩ đại hơn.

Khi mới bắt đầu thuyết Pháp, Phật dạy về Thanh văn thừa cùng nhiều phương pháp tu Giới Định Tuệ. Phân giáo pháp này là căn bản của con đường giác ngộ giải thoát.

Rồi Phật lại dạy phương pháp phát khởi lòng từ bi và tâm Bồ đề, là con đường dành cho những vị bồ tát dũng mãnh, lãnh nhận trách nhiệm mang lợi ích về cho toàn thể chúng sinh. Tuân tự đường tu Phật dạy là như vậy, trước tiên tu theo căn bản Giới Định Tuệ, rồi phát tâm từ bi cùng với tâm Bồ đề.

Mục tiêu cuối cùng Phật muốn đưa chúng ta đến, là vô trú niết bàn. Ở đó, tâm buông xả mọi mê lầm, thành tựu mọi tánh đức. Con đường vị tha này dành cho bồ tát tâm rộng lớn vô ngại, lãnh nhận trách nhiệm giải thoát cho chúng sinh, mang hạnh phúc về cho tất cả. Vì vậy mà gọi Đại thừa là cỗ xe lớn.

Có người nói rằng đã theo Đại thừa không cần phải học phương pháp tu Tiểu thừa, cho rằng Phật tử Đại thừa chỉ cần phát tâm từ bi là đủ, không cần quan tâm đến Giới Định Tuệ. Điều này hoàn toàn sai. Đại thừa không phải là con đường song song riêng biệt với Tiểu thừa. Căn bản của Đại thừa chính là Tiểu thừa. Giáo pháp Tiểu thừa không ra ngoài Đại thừa. Chỉ khác là thêm vào đó, Đại thừa đòi hỏi phải phát tâm đại bi và tâm Bồ đề.

3. Đặc điểm của Kim cương thừa

Trong Đại thừa còn có hai cỗ xe chính, một là cỗ xe “tu-nhân”, gọi là Ba-la-mật thừa, hay là Hiện tông, hai là cỗ xe “tu-quả”, gọi là Kim cương thừa, hay là Mật tông. Mật tông được xem là thâm diệu hơn Hiện tông.

Từ mấy thế kỷ qua, người tu theo Mật tông có rất nhiều, nhất là ở Tây tạng. Tuy vậy Mật tông không phải do các Lạt-ma Tây tạng sáng chế ra, mà là một hệ thống tu Phật giáo chánh pháp, được nhiều thế hệ cao tăng đạt đạo giữ gìn và truyền lại trọn vẹn không gián đoạn từ nhiều thế kỷ qua.

Ngược dòng truyền thừa sẽ gặp những vị thầy cao trọng như các ngài Long thọ¹, Nguyệt Xứng², Thánh thiên³... cùng nhiều vị hiền thánh tại học viện Na-lan-đà danh tiếng. Các vị hiền thánh ở học viện Na-lan-đà phần lớn song tu Hiện Mật. Mật pháp được truyền xuống là truyền từ các vị thầy cao trọng xứ Ấn này, hoàn toàn không phải do các Lạt-ma Tây tạng nghĩ ra.

Vì sao lại nói Mật tông thâm diệu hơn Hiện tông? Chắc chắn không phải vì những phép lạ thần kỳ thường được nhắc đến khi nói về Mật tông. Ví dụ một vài bộ kinh có nói rằng hễ tụng chú *Om Mani Padme Hum* bao nhiêu lần là sẽ giải thoát một số loại chúng sinh nào đó ra khỏi ác đạo, tái sinh tịnh độ. Tuy nói vậy không sai, nhưng nếu chỉ bấy nhiêu, thật không đủ để kết luận Mật tông thâm diệu hơn Hiện tông. Điều quan trọng cần phải hiểu, đó là Mật tông là giáo pháp do chính Phật dạy, bao gồm những phương pháp khác thường nhưng cũng chỉ để hành trì hai sắc thái chính của Phật đạo là phương tiện và trí tuệ.

Hiện và Mật đều có chung một nội dung hành trì, đó là phương tiện và trí tuệ. Nội dung tuy giống, nhưng phương pháp hành trì lại khác nhau.

Hiện tông khi nói “song tu phương tiện và trí tuệ”, hay “song tu phước tuệ”, chữ song tu ở đây có nghĩa là tu hành song song, xen kẽ, dùng trí tuệ để tu phương tiện, hay dùng phương tiện để tu trí tuệ, lần lượt tích tụ hai bồ phước và tuệ chứ không phải trong cùng một lúc mà đồng thời tích tụ được cả hai. Mật tông cũng nói “song

¹ Nagarjuna

² Chandrakirti

³ Aryadeva

tu phương tiện và trí tuệ”, nhưng ở đây lại là một pháp tu duy nhất, không thực hiện xen kẽ mà cùng lúc tích lũy cả hai bồ phước tuệ. Khi quán về sắc tướng của Phật, hay khi quán tướng thân Phật trước mắt, hành giả đồng thời quán về tánh Không của thân Phật. Quán tướng sắc thân nhiệm màu của Phật là phương tiện, nhờ vậy tích tụ được phước. Quán tánh Không của thân Phật là trí tuệ, nhờ vậy tích tụ được tuệ. Phương pháp này giúp hành giả cùng một lúc tích lũy được cả hai bồ phước tuệ, nhờ vậy đủ khả năng mong chóng thành tựu thân Phật và trí Phật. Đây là lý do chính vì sao lại nói Mật tông thâm diệu hơn Hiển tông.

Làm thế nào trong cùng một công phu lại có thể song hành phước tuệ? Trước hết cần hiểu về cốt lõi của phương pháp quán tướng Pháp chủ du già¹ của bốn bộ mật pháp. Quán tướng Pháp chủ du già phải phát khởi từ nền tảng tánh Không. Đầu tiên quán về trí tuệ tánh Không, tiếp theo quán thân sanh diệt của mình từ tánh Không khởi hiện thành tướng Phật, nhờ vậy biết thân Phật không có tự tánh, chỉ từ trí tuệ tánh Không hoạt hiện mà thành. Khởi hiện thân Phật, nuôi dưỡng tâm hãnh diện nhiệm màu², hành giả lúc nào cũng quán về tánh Không của thân Phật đang hiện ra.

Trí tuệ tánh Không hoạt hiện thành tướng Phật cũng là quả của đường tu. Vì vậy mà nói Mật tông vận dụng quả để tu hành. Lấy kết quả để tu hành sẽ giúp hành giả càng tiến nhanh đến thành tựu.

Dù vậy, tự mình hiện thành đủ loại thân Phật trong quán tưởng không có nghĩa là đã thành Phật. Chỉ quán tưởng thôi, chưa phải thành Phật thật sự. Đồng thời cũng đừng nói là mình không thể thành Phật, vì mọi chúng sinh đều có khả năng này, mọi chúng sinh đều thuộc dòng giống Phật. Vì vậy quán tướng thân Phật để mau chóng tích phước, hiểu và quán về tánh Không để mau chóng tích tuệ. Mật tông là phương pháp tu mau chóng như vậy, nên đặc biệt quý giá.

Cũng nên tìm hiểu vì sao Mật tông lại gọi là cỗ xe “tu-quả”, là Kim cang thừa. Chữ Kim cang có nghĩa là cứng chắc đến độ không thể phá vỡ hay phân đoạn. Tính chất không thể đoạn vỡ biểu hiện cho sự hợp nhất không thể phân chia giữa trí tuệ và phương tiện. Khi tu theo Pháp chủ du già, hành giả tu trí tuệ và phương tiện không phải xen kẽ mà cùng một lúc. Quán về cảnh Phật, như tịnh độ, mạn đà la, là quán về

¹ *deity yoga*

² *divine pride*

sắc thân của Phật, về tâm hi lạc của Phật, về cảnh giới của Phật. Nhờ mang quả về ngay trong giây phút hiện tại, hành giả huân tập mọi tính năng của tâm để mau chóng đạt đến thành quả ấy. Kim cang thừa là đường tu phương tiện trí tuệ không hai, mang quả về đường tu. Vì vậy mà gọi là Kim cang thừa, là cỗ xe “tu-quả”.

Ngày nay Mật tông được phổ biến rộng rãi trên toàn thế giới. Rất nhiều người muốn bước vào Mật tông. Vì vậy chúng ta cần hiểu rõ vì sao Mật tông lại gọi là Kim cang thừa, là cỗ xe “tu-quả”, phải hiểu lý do khiến Mật tông đặc biệt quý giá thâm diệu.

4. Đặc điểm của Mật tông tối thượng du già

Phương pháp tu trong Kim cang thừa có thể phân thành bốn bộ. Mỗi khi nghe nhắc đến Mật tông tối thượng du già, hay *anuttarayagatantra*, lập tức đôi mắt người nghe sáng rực lên. Đó là vì nhiều người lầm rằng tu theo Mật tông tối thượng du già không cần phải giữ giới, có thể tha hồ uống rượu, liên hệ nam nữ vân vân, cho rằng phải vậy mới thật là phương pháp tu thiên tối cao. Điều này hoàn toàn sai lầm. Mật tông tối thượng du già không phải như vậy.

Đâu là tinh túy của Mật tông tối thượng du già?

Phật pháp đặc biệt chú trọng đến tính bất nhị của phương tiện và trí tuệ, và hai sắc thái này được hành trì hợp nhất trong Mật tông. Pháp tu hợp nhất này không thấy có trong Hiển tông. Hiển tông tuy kết hợp phương tiện và trí tuệ, nhưng hành trì song song, xen kẽ. Còn trong Mật tông thì hoàn toàn chỉ là một.

Mật tông thường nói đến nền tảng, đạo và quả. Đạo là công phu tu hành, quả là thành tựu sẽ đạt tới. Còn nền tảng trong Mật tông, chính là thân người. Thân người có hệ thống khí mạch, khí, và nhiều loại tinh chất được gọi là tinh khí bồ đề¹. Những điều này không phải là tưởng tượng mà thật có trong thân và tâm của chúng ta. Con người sinh ra đã có sẵn một hệ thống khí mạch, bên trong có khí và nhiều tinh chất khác cùng luân chuyển, ví dụ như cái gọi là máu đến từ mẹ và tinh khí đến từ cha.

¹ *bodhicitta substances*

Mật tông nói rằng mỗi loại khí trong cơ thể - tạng ngữ gọi là *lung* - tương ứng với một tầng tâm thức. Tâm và khí có nhiều tầng thô lậu và vi tế khác nhau. Mỗi loại khí kết hợp với một tầng tâm thức, phát sinh thành hình ảnh ý tưởng trong tâm. Như khi đi ngủ, chúng ta từ từ chìm sâu vào giấc ngủ, tâm thức càng lúc càng trở nên vi tế, phần tâm và khí thô lậu lúc tỉnh dần dần thu về hội tụ ở vùng tim, làm hiển lộ các tầng tâm và khí càng lúc càng vi tế. Vì vậy dần dần chúng ta mất tri giác, bắt đầu nằm mơ vân vân. Khi thức dậy, các luồng khí lại tán khỏi vùng tim, tâm thức càng lúc càng trở nên thô lậu cho đến khi thức giấc. Chúng ta đã từng nhiều lần trải qua những kinh nghiệm như vậy với các tầng tâm khí thô-tế khác nhau.

Hiền tông và ba bộ mật pháp dưới của Mật tông vận dụng lớp khí và tâm thô lậu để thiền quán tu tập. Chỉ riêng các mật pháp trong Mật tông tối thượng du già là không làm như vậy mà cụ thể thâm nhiếp các tầng tâm và khí thô lậu để làm hiển lộ tầng tâm và khí vi tế nhất. Rồi vận dụng tầng tâm thức vi tế nhất để thiền quán về tánh Không và về thân Phật, nhờ vậy có thể triệt bỏ mọi phiền não thô-tế, cùng với tất cả mọi tập khí phiền não, đồng loạt thành tựu tam thân Phật.

Phương pháp này chỉ có trong Mật tông tối thượng du già, vì vậy mà nói Mật tông tối thượng du già thâm diệu nhất. Đó là vì ở đây có cả một hệ thống trình bày về khí, khí mạch, cùng những thành phần luân chuyển trong đó. Khi chạm tới điểm tinh túy nhất của thân kim cang, hành giả thu nhiếp hết những tầng tâm khí thô lậu để hiển lộ phần tâm khí vi tế nhất, lấy đó làm nền tảng thiền quán tánh Không và thiền quán thân Phật.

Đọc lại cuộc đời của đức Phật thấy nói Phật đi qua nhiều vùng đất Ấn độ, làm nhiều thiện hạnh để giáo hóa đệ tử căn cơ khác nhau. Ở thành *Sarnath* có một nơi trên đá còn khắc lại những thiện hạnh Phật đã làm. Trong đó có chỗ ghi lại thần thông Phật thi triển để hóa độ người ngoại đạo đến thán phục Phật. Trên đá khắc hình Phật phóng ra từ trái tim hai đóa sen, trên mỗi đóa sen lại có hình một đức Phật.

Khế kinh có diễn tả về loại thần thông này, thật không thể nghĩ bàn. Từ tim Phật hiện ra hàng ngàn, hàng triệu, hàng tỉ hóa thân. Có hóa thân của thân Phật, có hóa thân của miệng Phật, có hóa thân của ý Phật, tất cả đồng loạt hiện ra đầy ấp không gian vô tận. Điều này khế kinh có ghi rõ. Ngoài ra, trong hạnh nguyện vương của Phổ Hiền, có một câu tụng rằng: “trên đầu mỗi sợi tóc có vô lượng cảnh giới Phật,

trong mỗi cảnh Phật có hàng triệu Phật đà và quanh mỗi Phật đà là hàng triệu bồ tát”. Lấy thân và tâm thô lậu như của chúng ta đây mà nói, điều này chỉ có thể là chuyện hoang đường. Nếu thật sự thân và tâm của Phật cũng thô lậu như thân và tâm chúng ta đang có đây, đừng nói chi ngàn ấy Phật và bồ tát, chỉ một vị thôi cũng không thể đặt lên đầu ngọn tóc.

Thân và tâm của Phật đang nói đây là phần thân và tâm cực kỳ vi tế, hoàn toàn không bị vật thể áng ngữ, vì vậy hàng triệu đức Phật có thể tụ họp trên đầu một sợi tóc. Ví dụ trên đầu sợi tóc có cái mà mọi người đều muốn xem, vậy tâm của tất cả mọi người đều tụ hội về đầu ngọn tóc ấy. Chỉ có thân và tâm của chúng ta mới có giới hạn. Còn Phật thì tâm là thân và thân là tâm, sắc thân của Phật là khí và tâm vi tế, nên thân tâm Phật có thể tụ tại về tụ trên một chấm nhỏ bằng đầu sợi tóc.

Phật giáo làm sao giải thích được hiện tượng như vậy? Xét theo Mật tông, đây là điều có thể giải thích được, và cũng có thể thành tựu được nếu tu theo phương pháp tu mật. Vì vậy mà nói thân tâm của Phật không phải là điều huyền bí đòi hỏi lòng tin mù quáng. Chúng ta có thể tìm hiểu bằng cách nào Phật làm được như vậy, và nếu hành trì đúng cách, chúng ta cũng có thể làm được điều Phật làm. Phật pháp không đòi hỏi lòng tin mù quáng, mà luôn đưa ra phương pháp tu cụ thể cho chúng ta tìm hiểu và thực hành.

Làm hiển lộ và vận dụng thân tâm vi tế, đó là đặc điểm của Mật tông tối thượng du già. Còn về những lãnh vực khác trên đường tu, như tâm Bồ đề và tánh Không, Mật tông không nói gì khác hơn Hiển tông. Tâm Bồ đề và tánh Không chỉ có một nghĩa, hoàn toàn không có cái gọi là tâm Bồ đề hay tánh Không dành riêng cho Mật tông.

Khi bước theo mật pháp, có người cho rằng mình phải thay đổi hình dáng bên ngoài, chẳng hạn phải ăn bận khác đi, hay phải lập gia đình vì tưởng không biết về tình dục sẽ không thể tu theo Mật tông. Nghĩ như vậy là lầm lẫn rất lớn. Cứ thử nhìn vào một trong những mật pháp cao thâm nhất là *Guhyasamaja*, các vị truyền thừa mật pháp này toàn là những bậc tỷ kheo. Lại có rất những bậc cao tăng như Long thọ, Thánh Thiên hay Nguyệt xúng, đã từng viết bao nhiêu bộ luận lừng danh về tánh Không trong cả Hiển lẫn Mật, là tổ sư truyền thừa rất nhiều mật pháp, các vị đều là tỷ kheo, luôn giữ phạn hạnh sống kiếp độc thân trong cuộc đời hành đạo, không từng một phút giây thị hiện sắc tướng cư sĩ.

Vậy các anh chị đừng nghĩ mình phải thay đổi hình dáng bên ngoài để tu theo Mật tông, vì đây là lầm lẫn tai hại nhất. Một ví dụ điển hình khác là đại sư *Tsong Khapa*, pháp tu chính của ngài là *Guhyasamaja*, vua của mật pháp. Để vận dụng năng lực của tâm và khí, hiển lộ phần tâm và khí vi tế nhất, các anh chị không cần thay đổi hình tướng bên ngoài, cũng không cần rời bỏ đời sống xuất gia mà lập gia đình. Đây là điểm cực kỳ quan trọng cần phải hiểu.

5. Đặc điểm của mật pháp *Kalachakra*

Chương ba thầy nói về sự khác biệt giữa Hiền tông và Mật tông. Chương bốn thầy nói về sự khác biệt giữa Mật tông tối thượng du già và ba bộ Mật tông còn lại. Ở đây, chương năm, thầy sẽ trình bày về đặc điểm của mật pháp *Kalachakra*.

Mật pháp *Kalachakra* là một phương pháp tu cực kỳ thâm diệu được rất nhiều người trên thế giới biết tiếng. Vì câu giác ngộ, chúng ta đi theo con đường dẫn đến quả vị Phật. Quan trọng nhất là đừng quá nuông chiều thân xác cha mẹ sinh ra, mà phải trú nơi Tâm của mình, vì Tâm vốn trong sáng, tách lia ô nhiễm. Ô nhiễm không phải là đặc tính của Tâm, nhờ đó có thể sám hối thanh tịnh tâm thức, dẹp sạch ô nhiễm, thành đạt trí toàn giác. Trí toàn giác này chính là Tâm của Phật. Ai trong chúng ta cũng có thể làm được như vậy, và muốn được như vậy, cần sám hối thanh tịnh tâm thức của mình. Vậy phương pháp thành tựu tâm Phật đã biết rồi. Còn Thân Phật thì sao? Làm cách nào chúng ta có thể thành tựu được thân Phật?

Xét theo giáo pháp của Mật tông nói chung, chúng ta gọi thân cha mẹ sinh ra là thân của mình, nhưng không thể lấy thân thể thô lậu này để chuyển thành Thân Phật. Phải vận dụng phần tâm và khí vi tế nhất trong cơ thể để thiền quán tánh Không, rồi sám hối thanh tịnh mọi chướng ngại của thân và tâm vi tế để chuyển thành sắc thân trong sáng của Phật Kim cang tát đỏa¹ hay của Phật Kim cang trí¹, hay nói cách khác, để chuyển thành thân của Phật. Đây là phần thân và tâm vi tế nhất, khác với hợp uẩn thân tâm do cha mẹ sinh ra. Phần tâm và khí vi tế nhất quán tưởng tánh Không là Trí Phật, Trí Phật hoạt hiện thân Phật, Thân và Trí của Phật trở thành một hiện tượng duy nhất không thể phân chia, đó là cái gọi là thân tâm của Phật.

¹ *Vajrasattva*

Kalachakra không những vận dụng thân và tâm vi tế nhất để thiền quán tánh Không, mà còn phải trải qua quá trình thu nhiếp toàn bộ mọi thành phần vật lý. Bao giờ mọi phân tử vật lý đều đã thu nhiếp tiêu trừ, hành giả sẽ thành tựu được thân vô sắc của Phật. Mật pháp *Kalachakra* không nói đến thân vi tế và khí vi tế khác với thân ngũ uẩn, mà lại dạy phương pháp tiêu trừ thân ngũ uẩn hiện có, để chuyển thân này thành cái gọi là thân vô sắc của Phật.

Bài giảng Đường vào Kalachakra này bao gồm năm vấn đề, về sự khác biệt giữa Phật giáo và ngoại đạo, giữa Hiền tông và Mật tông, vân vân. Vậy năm vấn đề này đều đã được trình bày xong.

Bây giờ thầy sẽ giảng thêm về nội dung của mật pháp *Kalachakra*.

Chữ *Kalachakra* có nghĩa là bánh xe thời gian. *Kala* là thời gian, còn *chakra* là bánh xe. Khi giải thích về *Kalachakra*, cần phải hiểu *Kalachakra* qua ba điểm chính yếu của pháp tu này, đó là nền tảng, đạo và quả.

Theo mật pháp này, nền tảng là thân vật lý, khởi sinh từ ba nghiệp phiền não là tham sân si, cùng nhiều loại phiền não khác. Thân chúng sinh là nguyên nhân của khổ đau luân hồi, cho chính mình và cho chúng sinh. Những thành phần vật lý có trong đó, hệ thống khí mạch và các tinh chất luân chuyển trong đó, là nền tảng của pháp *Kalachakra*. Đó là căn bản hành trì.

Đạo là phương pháp tu. Để triệt bỏ khổ não cho mình và cho chúng sinh, hành giả cần thành tựu tâm đại lạc bất động. Bất động có nghĩa là không lay chuyển trong cả ba thời quá khứ hiện tại và vị lai. Đại lạc bất động trong mật pháp *Kalachakra* chính là cái nơi khác thường gọi là Tâm Chân như². Tâm đại lạc bất động chính là Tâm Chân như cực kỳ vi tế đang quán chiếu tánh Không. Muốn vận dụng Tâm Chân như vi tế này để quán tánh Không, hành giả phải lần lượt thu nhiếp tiêu trừ thân vật lý của chính mình. Điều này không đột ngột xảy ra, mà thành tựu từng phần, nhờ công phu kiên trì tu tập.

¹ *Vajradhara*

² *the mind of clear light*

Lúc đầu, thân vô sắc chỉ là một hiện tượng mơ hồ. Nếu kiên trì, các hợp thể vật lý của xác thân sẽ từ từ thu nhiếp lại. Thân vật lý thu nhiếp đến đâu, thân vô sắc hiển hiện đến đó. Hành giả nhờ trú ở Tâm Chân như, hoạt hiện thành sắc tướng của năm vị Thiên Phật trong năm bộ Phật, cùng mọi thiện thần hung thần trú trong mạn đà la *Kalachakra*. Đó là phương cách thành tựu thân vô sắc, thành tựu sắc thân nhiệm màu của Phật.

Thân vô sắc là từ Tâm Chân như hóa hiện mà thành. Còn chính Tâm Chân như lại là nhân tố thành tựu Trí Phật. Nhờ vậy mà có sự hợp nhất giữa thân và tâm của Phật. Hành giả đạt quả vị Phật với thân vô sắc và tâm đại lạc bất động, đồng thời hoạt hiện thành nhiều vị Phật và thần trong mạn đà la, tất cả không ra khỏi chân tánh của đại lạc và chân như.

Mật pháp *Kalachakra* qua ba yếu tố nền tảng, đạo, và quả, giải thích đại khái là như vậy. Đặc điểm của *Kalachakra* là thu nhiếp tất cả mọi thành phần vật lý thô lậu để chuyển thành thân vô sắc của Phật đà.

Trong mật pháp *Kalachakra*, tâm đại lạc bất động được xem là Tâm của Phật, thành tựu được là nhờ thu nhiếp mọi thành phần vật lý chuyển thành thân vô sắc, và thân vô sắc này chính là Thân của Phật, hoàn toàn bất nhị với Tâm của Phật. Trong các mật pháp khác của Mật tông tối thượng du già, hành giả không làm như vậy mà lại vận dụng phần khí và tâm vi tế nhất để trong cùng một lúc, hoạt hiện thành sắc thân vi tế nhất, là thân của Phật, đồng thời chứng ngộ về tánh Không, là tâm của Phật. Vậy giữa *Kalachakra* và các mật pháp khác trong Mật tông tối thượng du già có sự khác biệt căn bản.

Đọc mật kinh *Kalachakra* sẽ thấy phương pháp thành tựu thân tâm bất nhị của Phật được giải thích mạch lạc rõ ràng, trong khi đó các mật kinh khác như *Guhyasamaja* không nói rõ về phương pháp tu mà trình bày toàn bằng ẩn nghĩa. Vì vậy *Kalachakra* được gọi là mật kinh hiển nghĩa¹, còn các mật kinh khác đều gọi là mật kinh ẩn nghĩa².

¹ *explicit tantra*

² *implicit tantras*

Chúng ta vừa xem lướt qua năm đề tài chính: 1. đặc điểm của Phật giáo so với các tôn giáo khác; 2. đặc điểm của Phật giáo Đại thừa; 3. đặc điểm của Đại thừa Mật tông; 4. đặc điểm của Mật tông tối thượng du già; 5. đặc điểm của mật pháp *Kalachakra*. Qua lời giải thích ngắn gọn về năm đề tài này, thầy hy vọng các anh chị có được cái nhìn tổng quát về Phật đạo.

Ngày mai chúng ta sẽ đi sâu vào chi tiết của đại lễ quán đảnh *Kalachakra*, nói về mười một pháp quán đảnh, của *Kalachakra* nói riêng, của Mật tông nói chung, dựa trên ba yếu tố nền tảng, đạo, và quả.

6. Pháp Quán Đảnh *Kalachakra*

Thông thường mật pháp được truyền dưới hai dạng, Tây tạng gọi là *wang* và *jenang*. Chữ *wang* dịch là mật pháp quán đảnh¹ và *jenang* là mật pháp gia trì². Cả hai cùng gọi là truyền mật pháp³, nhưng ý nghĩa lại khác nhau. Vậy nên biết rõ *wang* và *jenang* khác nhau ra sao, hai dạng truyền mật pháp này là như thế nào.

Nguyên văn chữ *wang* có nghĩa là “ban cho quyền năng”, thường gọi là truyền pháp quán đảnh, trong ý nghĩa hành giả được trao cho quyền năng quán tưởng chính mình là vị Pháp chủ mạn đà la. Nhận được pháp quán đảnh rồi mới có thể tu tập thiền quán về vị Pháp chủ mạn đà la, về hai giai đoạn chính của Mật tông tối thượng du già là phát khởi và viên thành, cùng những phương pháp thiền quán thuộc các bộ Mật tông thấp hơn. Nói tóm lại, pháp quán đảnh cho hành giả đầy đủ quyền năng hành trì một số quán tưởng liên quan đến vị Pháp chủ mạn đà la.

Wang và *jenang* có gì khác nhau? mật pháp quán đảnh và mật pháp gia trì khác nhau ra sao? Mặc dù vẫn thường được gọi chung là truyền pháp, hai dạng truyền mật pháp này hoàn toàn khác nhau. Mật pháp quán đảnh ban cho quyền năng hành trì, còn mật pháp gia trì là truyền năng lực gia trì của vị Pháp chủ vào thân miệng ý của hành giả. Nói chung, phải nhận pháp quán đảnh trước khi có thể nhận pháp gia trì, vì chỉ như vậy năng lực gia trì của vị Pháp chủ mới có thể truyền thông suốt vào ba cửa thân miệng ý của đệ tử.

¹ *empowerment*

² *subsequent permission*

³ *initiation*

Việc gì sẽ xảy ra nếu đệ tử chưa nhận pháp quán đánh mà lại nhận pháp gia trì? Trường hợp này xảy ra rất thường. Ví dụ các anh chị đến nghe giảng Pháp, sau buổi giảng vị thầy có khi cử hành lễ truyền pháp trường thọ Bạch Y Quan Thế Âm. Nếu chưa từng nhận pháp quán đánh trước đó, dù có ngồi dự buổi truyền pháp này, các anh chị cũng không thể nói là mình đã nhận pháp gia trì Bạch Y Quan Thế Âm. Lý do là vì muốn thật sự nhận được pháp gia trì này, các anh chị cần quán tưởng mình mang thân tâm của vị Pháp chủ, ở đây là đức Bạch Y Quan Thế Âm, và vận dụng thân tâm thanh tịnh ấy để nhận pháp gia trì. Nếu chưa từng nhận pháp quán đánh, các anh chị sẽ không thể tự quán tưởng mình mang thân tâm của vị Pháp chủ, vì vậy không thể nhận pháp gia trì. Vì lý do này, các thầy trước buổi truyền pháp gia trì thường nhắc nhở ai chưa nhận pháp quán đánh thì đừng quán tưởng mình là vị Pháp chủ. Các anh chị chỉ có thể quán tưởng Phật ngự trên đỉnh đầu, rót dòng suối cam lồ thân miệng ý thanh tịnh xuống. Như vậy các anh chị cũng sẽ nhận được lực gia trì, nhưng không phải là đã nhận mật pháp gia trì.

Đại lễ quán đánh thường được truyền cho đệ tử qua mạn đà la. Có nhiều cách trình bày mạn đà la, có mạn đà la làm bằng cát màu, có mạn đà la làm bằng gấm vẽ, có mạn đà la khởi hiện nhờ định lực của vị đạo sư, cũng có mạn đà la thân người. Bốn loại mạn đà la này đều có thể được sử dụng để truyền pháp quán đánh.

Kalachakra có hai phương pháp truyền pháp. Một là truyền pháp *Kalachakra* theo dạng thông thường. Gọi “thông thường”, vì tuy mật pháp *Kalachakra* đặc biệt, nhưng nghi thức truyền pháp lại giống nghi thức truyền pháp của những mật pháp khác trong Mật tông tối thượng du già. Vì không khác với những mật pháp khác, nên gọi là phương pháp truyền pháp thông thường.

Hai là truyền pháp *Kalachakra* theo dạng phi thường. Gọi phi thường, vì trong số tất cả những mật pháp thuộc về Mật tông tối thượng du già, chỉ duy nhất chỉ có *Kalachakra* là có thể truyền theo phương pháp này. Đây là phương pháp độc nhất truyền mười một pháp quán đánh. Nghi lễ và nội dung truyền pháp đều rất khác so với các loại mật pháp khác trong Mật tông tối thượng du già.

Nói về dạng truyền pháp thông thường, phương pháp này được nói đến trong kinh *Vajramalatantras* hay trong bộ mật kinh có thể tìm thấy nơi dòng Sakya. Phương

pháp này sử dụng mạn đà la bằng gấm thêu, truyền bốn pháp quán đánh. Bốn pháp này là pháp quán đánh bình bát¹, kín mật², tuệ giác³, và danh tự⁴. Đây là bốn pháp quán đánh chung cho tất cả mọi mật pháp thuộc về Mật tông tối thượng du già.

Nói về dạng truyền pháp phi thường, phương pháp này đến từ lời dạy của hiền thánh *Naropa*. Phương pháp phi thường này đòi hỏi mạn đà la bằng cát màu. Thiếu mạn đà la bằng cát màu, pháp này không thể truyền.

Vài ngày nữa đại lễ quán đánh sẽ được cử hành, phương pháp truyền pháp sẽ là phương pháp phi thường, thuận theo lời dạy của hiền thánh *Naropa*.

Vì sao mạn đà la bằng cát màu lại được đề cao đến như vậy? Lý do là vì mạn đà la càng lớn, càng phải dùng nhiều cát nhiều màu bao nhiêu, công đức tích lũy cho thí chủ và đệ tử tham dự lại càng tăng bấy nhiêu. Mạn đà la được dựng lên với nhiều loại vàng bạc, đá quý, lại đòi hỏi rất nhiều thì giờ, công sức, nhờ vậy công đức tích lũy lớn lao vượt bậc.

Ngoài ra, mạn đà la bằng gấm vẽ chỉ là tấm hình do họa sĩ vẽ, dùng màu sắc tương ứng với năm Phật bộ. *Kalachakra* khác hơn, có tới sáu Phật bộ. Vì vậy mạn đà la dùng sáu màu cát khác nhau, tượng trưng cho trí giác⁵ của sáu Phật bộ. Cát sáu màu được thanh tịnh hóa, rồi theo đúng nghi thức xây mạn đà la. Toàn bộ quá trình thực hiện mạn đà la được cử hành theo nghi thức nhất định, không phải chỉ là một tác phẩm nghệ thuật như hình vẽ trên mạn đà la bằng gấm. Đến cả vật liệu dùng để xây mạn đà la cũng đã được gia trì, thanh tịnh hóa.

Bây giờ nói về thời gian thích hợp để truyền pháp quán đánh. Dựa theo những bộ luận giải *Kalachakra*, pháp quán đánh tốt nhất nên truyền vào ngày rằm tháng ba Tạng lịch. Đó là thời gian thích hợp nhất. Nếu không được, thì chọn ngày rằm của bất cứ tháng nào trong Tạng lịch cũng là ngày lành. Nếu cũng không được, lại gặp đệ tử căn cơ cao đủ khả năng nhận pháp, thì có thể chọn bất cứ ngày vía Phật nào khác.

¹ *vase initiation*

² *secret initiation*

³ *wisdom initiation*

⁴ *word initiation*

⁵ *primordial wisdom*

Vì sao ngày rằm tháng ba Tạng lịch được xem là ngày tốt nhất để truyền pháp *Kalachakra*? Khi đức Phật Thích ca mâu ni thuyết kinh Bát Nhã ở đỉnh Linh thúu thành Vương xá, đồng thời đức Phật cũng có mặt ở tòa bảo tháp tại miền Nam xứ Ấn. Tại bảo tháp ấy, đức Phật hiện thân Pháp chủ *Kalachakra* cùng toàn bộ mạn đà la, truyền mật pháp quán đảnh *Kalachakra* cho quốc vương *Dawa Zangpo*, vua của vương quốc *Shambala*. Cùng nhận pháp *Kalachakra* với quốc vương *Dawa Zangpo*, còn có nhiều vị tiểu vương và nhiều đệ tử khác. Họ nhận pháp *Kalachakra* vào ngày rằm tháng ba Tạng lịch. Vì duyên lành này mà ngày rằm tháng ba được xem là ngày đại cát tường để truyền pháp quán đảnh *Kalachakra*.

Sau khi nhận pháp quán đảnh và mật kinh *Kalachakra* do chính đức Thế tôn truyền thọ, quốc vương *Dawa Zangpo* cùng tùy tùng quay trở về vương quốc *Shambala*. Sáu trăm năm sau, vị quốc vương kế thừa, là tổ sư dòng *Kulika* tên *Manjushrikirti*, truyền pháp *Kalachakra* lại cho 35 triệu hiền giả, đứng đầu là hiền giả *Meysinda*. Lần ấy cũng nhằm ngày rằm tháng ba Tạng lịch. Đây là lý do thứ hai vì sao ngày này lại được xem là ngày đại cát tường để truyền pháp quán đảnh *Kalachakra*.

Kinh sách còn nói khi đức Phật lần đầu truyền mật pháp *Kalachakra* cho quốc vương *Dawa Zangpo*, đức Phật cũng đồng thời truyền lại cho quốc vương mật kinh *Kalachakra*, dài đến hàng trăm ngàn câu tụng. Sáu trăm năm sau, vua *Manjushrikirti* kế thừa mật pháp, thâu ngắn mật kinh *Kalachakra* thành bộ *Mật kinh Toát Yếu [Condensed Tantra of Kalachakra]*, vì vậy mà tên vị quốc vương này thường được nhắc đến. *Manjushrikirti* lại có vị đệ tử tên *Kundarika*, hay *Pema Karpo*, cũng là vị quốc vương truyền thừa dòng *Kulika*, dựa trên bộ *Mật Kinh Toát Yếu* mà viết ra bộ luận giải. Bộ luận giải này ngày nay được biết dưới tên *Ánh Sáng Thuần Khiết [Stainless Light]*, có tất cả ba quyển. Vậy thời nay ai thật sự muốn tu theo mật pháp *Kalachakra*, trước tiên phải nhận pháp quán đảnh từ dòng truyền thừa này, sau đó phải thọ nhận giáo pháp nằm trong hai bộ mật điển, một là *Kalachakra Mật Kinh Toát Yếu*, hai là bộ luận *Ánh Sáng Thuần Khiết*.

Trước khi có luận giải *Ánh Sáng Thuần Khiết*, người ta thường cho rằng đại pháp quán đảnh *Kalachakra* chỉ có thể cử hành nhiều nhất là hai lần trong năm. Luận *Ánh Sáng Thuần Khiết* xóa tan nhiều sai lầm đại loại, nói rõ ngày rằm tháng ba là ngày tốt nhất, nếu không, ngày rằm của bất cứ tháng nào trong năm cũng tốt. Cứ hễ có đệ

từ đủ căn cơ để nhận pháp, là pháp quán đánh có thể được cử hành vào ngày rằm của bất cứ tháng nào trong năm.

Nói chung, chúng ta thường nghe nói *Kalachakra* có mười một hay mười sáu pháp quán đánh. Nói như vậy đều chính xác, không mâu thuẫn. Đây chỉ là hai cách giải thích khác nhau về nội dung của pháp quán đánh. Nếu giải thích chi tiết cặn kẽ, thì đếm thành mười sáu pháp quán đánh, còn nếu giải thích tóm lược, thì đếm thành mười một pháp quán đánh.

Bảy pháp quán đánh đầu thường gọi là “bảy pháp quán đánh sơ sanh”¹. Mười một pháp quán đánh là bảy pháp quán đánh sơ sanh cộng thêm bốn pháp quán đánh – bình bát, kín mật, trí tuệ, danh tự – như trong các mật pháp khác. Bốn cộng bảy, đếm thành mười một pháp quán đánh.

Còn nếu đếm mười sáu pháp quán đánh, thì phải chia thành bốn tiểu bộ: 1. bảy pháp quán đánh sơ sanh; 2. bốn pháp quán đánh cao đẳng²: bình bát, kín mật, trí tuệ và danh tự; 3. bốn pháp quán đánh thượng đẳng³, cũng tên là bình bát, kín mật, trí tuệ và danh tự; 4. pháp quán đánh đại đạo sư kim cương⁴. Tổng cộng là mười sáu pháp quán đánh.

Làm sao có thể qui nạp mười sáu pháp quán đánh thành mười một? Giữ nguyên bảy pháp quán đánh sơ sinh. Còn bốn pháp quán đánh cao đẳng và bốn pháp quán đánh thượng đẳng được qui nạp như sau: hai pháp quán đánh bình bát (cao đẳng và thượng đẳng) gộp chung thành một; hai pháp quán đánh kín mật gộp chung thành một, và hai pháp quán đánh trí tuệ cũng vậy, gộp chung thành một. Còn lại hai pháp quán đánh danh tự thì pháp quán đánh danh tự cao đẳng được gộp chung vào pháp quán đánh thứ ba là trí tuệ, còn lại pháp quán đánh danh tự thượng đẳng giữ lại làm pháp quán đánh danh tự.

Vậy chúng ta có bốn pháp quán đánh cùng bảy pháp quán đánh sơ sanh. Một khi có đủ hai tiểu bộ bảy và bốn phép quán đánh, thì mười một pháp này tương đương với

¹ *enter as a child*

² *four high empowerments*

³ *four higher empowerments*

⁴ *great vajra master empowerments*

pháp quán đánh đại đạo sư kim cương, vì vậy không cần đếm riêng pháp quán đánh này. Do đó mà thành mười một pháp quán đánh.

Vì sao truyền thọ pháp *Kalachakra* cần những mười một pháp quán đánh khác nhau? Lý do là vì khi nhận bảy pháp quán đánh sơ sanh, chúng ta thanh tịnh hóa được chướng ngại ô nhiễm làm áng ngữ bảy địa bồ tát, đồng thời cấy vào tâm thức đầy đủ nhân duyên để thành tựu bảy địa bồ tát.

Nói đến con đường tu chứng bồ đề và quá trình thanh tịnh hóa của từng địa bồ tát, điều này liên quan đến hai lãnh vực chính của giáo pháp Phật dạy, đó là giáo pháp thâm sâu và giáo pháp quảng đại. Hai đề tài tu học chính yếu của ba tu viện lớn nhất Tây tạng là *Sera*, *Ganden* và *Drepung* là Bát nhã ba la mật¹ và Trung quán [*Madhyamika*]. Trong Bát nhã ba la mật, từng giai đoạn tu chứng được giải thích rõ, có bao nhiêu địa bồ tát, mỗi địa có bao nhiêu chướng ngại cần triệt bỏ, khi triệt bỏ rồi thành tựu được những gì. Nếu đã từng tu học Bát nhã ba la mật, sẽ không lầy lầm lự khi nghe về những điều này, bằng không, dù thật sự tinh tấn qui y và phát tâm Bồ đề nhưng khi bước vào Mật tông, nghe nói về thành tựu và chướng ngại của mỗi địa bồ tát, vẫn sẽ cảm thấy hoang mang, xa lạ. Phải cố gắng tu học để tìm hiểu về từng địa vị tu chứng trong Bồ tát đạo.

Vì sao cần phải nhận pháp quán đánh? Như đã nói, mỗi pháp quán đánh có khả năng thanh tịnh nghiệp chướng của từng địa bồ tát tương ứng. Vậy có thể nói pháp quán đánh, cốt tủy của mật pháp, giúp chúng ta thành tựu từng giai đoạn trên con đường dẫn đến giác ngộ, bao gồm cả con đường Hiển giáo. Các anh chị bắt buộc phải kết hợp phương pháp tu mật với tu hiển. Điều này thật rõ ràng.

Ngoài việc cần phải kết hợp phương pháp tu mật và hiển, tại sao cần phải nhận pháp quán đánh? Nói chung, các giai đoạn tu chứng trong *Kalachakra* không khác những gì gặp trong Hiển tông. Hiển pháp nói về hai bồ công đức, phương tiện và trí tuệ, nghĩa là hai mặt quảng và thâm, cần thực hành song song. Mật pháp cũng vậy. Nhưng ngoài việc tích lũy hai bồ công đức ra, hiển pháp không đề cập đến khí mạch, khí, tinh khí bồ đề vân vân, cũng không nói về phương pháp nhắm đánh vào các điểm trọng yếu của thân kim cương để vận động các luồng khí và tâm vi tế.

¹ *Prajnaparamita*

Tất cả những điều này được giáo pháp *Kalachakra* chỉ dẫn cặn kẽ. Chữ quan trọng nhất được tuyên thuyết trong *Kalachakra* là *yugananda*, nghĩa là bất nhị, hay kết hợp, chỉ về sự đồng nhất giữa thân và tâm nhiệm màu của Phật, trong ý nghĩa thân Phật là tâm Phật, và tâm Phật là thân Phật. Thành tựu này được tuyên thuyết trong *Kalachakra*. Để hiểu phần vi diệu này, các anh chị cần nhận pháp quán đánh *Kalachakra*, nếu không, không được phép hành trì.

Tuy vậy, dù có nhận pháp cao thâm vi diệu đến đâu đi nữa, trước khi nhận pháp, điều quan trọng nhất phải làm là qui y Tam bảo. Qui y Tam bảo thường do vị đạo sư kim cang truyền thọ, tiếp theo là phát tâm Bồ đề, thọ giới bồ tát. Nếu pháp quán đánh thuộc về hai lớp Mật tông trên cùng là Mật tông du già hay Mật tông tối thượng du già, đệ tử phải nhận thêm giới kim cang. Sau đó là nghi thức phát tâm Bồ đề, bao gồm hai tâm Bồ đề, giai đoạn và cứu cánh, quán tưởng thành đài mặt trăng trắng tròn nằm nơi tim, với chày kim cương màu trắng năm châu, đứng thẳng trên đài mặt trăng. Tượng tượng hai loại tâm Bồ đề hoạt hiện thành mặt trăng và chày kim cương ở tim. Rồi nhờ sức mạnh gia trì của vị đạo sư, hãy an trú trong quán tưởng. Phát nguyện không rời xa tâm Bồ đề cho đến khi giác ngộ. Có thể nói tâm-Bồ-đề-giai-đoạn và tâm-Bồ-đề-cứu-cánh (là tánh Không), cực kỳ quan trọng trong Mật tông. Đó là nền tảng của tất cả mọi mật pháp.

Như đã nói, mật pháp *Kalachakra* là một pháp tu khác thường, vì *Kalachakra* có phần đồng nhất với hiển pháp, nhưng lại có thêm phần hành trì kín mật. Hiển pháp nói về hai loại chướng ngại là phiền não chướng và sở tri chướng, dạy hành giả phải xả bỏ hai loại chướng ngại này. Mật pháp *Kalachakra* cũng vậy, chỉ khác nhau ở phương pháp dẹp chướng ngại.

Hôm qua chúng ta đã nói về sự kết hợp thuần nhất của thân Phật và tâm Phật trong Mật tông. Các mật pháp khác với *Kalachakra* thường nói tới tâm vi tế và khí vi tế, thể hiện thân Phật, nằm giữa thân vật lý cha mẹ sinh, quán chiếu về tánh Không. Nói cách khác, khí và tâm vi tế hiện giữa trái tim hành giả với sắc thân của đấng Pháp chủ, và đây chính là cái gọi là sự bất nhị của thân Phật và tâm Phật, trong nghĩa tâm là thân, thân là tâm.

Trong *Kalachakra*, phương pháp thực hiện thân tâm bất nhị không giống như vừa nói. Hành giả không khởi hiện thân Phật khác với thân vật lý của chính mình, mà

thành tựu thân vô sắc, nghĩa là thân không có hình sắc. “Không” ở đây không phải là tánh Không. Thân vô sắc không thuộc cảnh giới Chân đế, mà thuộc Thế tục đế. Gọi là vô sắc, vì thân này hoàn toàn thiếu vắng những thành phần vật lý, thành tựu được nhờ tu theo mật pháp. Các tập hợp vật lý dần dần bị thu nhiếp, tiêu trừ, chuyển thành thân vô sắc. Quá trình chuyển hiện này đòi hỏi phải dẹp bỏ toàn diện sở tri chướng và phiền não chướng, so với Hiển tông hoàn toàn như sau, chỉ có phương pháp thực hiện là khác. Mật tông dẹp hai chướng ngại này bằng cách thanh tịnh hóa bốn giọt tinh chất¹ nằm ở bốn nơi khác nhau trong cơ thể,

Giọt thứ nhất nằm ở luân xa trên trán, liên quan đến thời gian thức giấc. Giọt thứ hai nằm ở trung tâm của luân xa trên cổ, liên quan đến thời gian nằm mơ. Giọt thứ ba nằm ở luân xa nơi tim, liên quan đến thời gian chìm sâu trong giấc ngủ. Giọt thứ tư nằm ở luân xa vùng bụng [4 ngón tay thấp dưới rốn], liên quan đến niềm hỉ lạc lúc giao tình.

Một khi định tâm thanh tịnh được giọt tinh chất nơi trán liên quan đến thời gian thức, hành giả thành tựu thân kim cang. Định tâm thanh tịnh được giọt tinh chất nơi cổ liên quan đến thời gian mơ, hành giả thành tựu miệng kim cang. Định tâm thanh tịnh được giọt tinh chất nơi tim liên quan đến thời gian ngủ say, hành giả thành tựu ý kim cang.

Còn thành phần thứ tư trong *Kalachakra* là trí giác bản lai đại lạc bất động tối thượng². Các mật pháp khác như *Guhyasamaja* cũng có nhắc đến đại lạc bất động, nhưng trí giác bản lai đại lạc bất động tối thượng trong *Kalachakra* là thành tựu của quá trình thanh tịnh giọt tinh chất nơi vùng bụng. Thanh tịnh giọt tinh chất này là thành tựu trí giác bản lai kim cang [*vajra primordial wisdom*]. Vậy ngoài thân, miệng, ý kim cang, hãy còn thành phần thứ tư là trí giác bản lai kim cang. Thành tựu bốn kim cang nói trên là thành tựu pháp tu *Kalachakra*.

Vì vậy, nhìn vào mạn đà la *Kalachakra* hành giả sẽ thấy bốn cửa Đông Nam Tây Bắc. Mỗi cửa mang một màu: cửa Đông màu đen, cửa Nam màu đỏ, cửa Tây màu vàng, cửa Bắc màu trắng. Bốn màu này tương ứng với bốn kim cang. Cửa Bắc màu trắng tượng trưng cho thân kim cang của *Kalachakra*. Cửa Nam màu đỏ tượng

¹ *bindus*

² *primordial wisdom of the supreme immutable bliss*

trung cho miệng kim cương của *Kalachakra*. Cửa Đông màu đen tượng trưng cho ý kim cương của *Kalachakra*. Cửa Tây màu vàng tượng trưng cho trí giác bản lai kim cương của *Kalachakra*. Bốn kim cương này thành tựu nhờ thanh tịnh hóa bốn luân xa trong cơ thể như đã nói.

Khi nhận pháp quán đánh *Kalachakra*, trước hết các anh chị nhận bảy pháp quán đánh sơ sanh. Dù chỉ đang ngồi trên ghế trong hội trường, các anh chị vẫn phải tưởng tượng mình đang đi quanh bốn cánh cửa mạn đà la. Phải quán tưởng toàn bộ mạn đà la hiện ra trước mắt, quán tưởng bốn cửa vào, vị Pháp chủ phía bên trong cùng toàn thể các vị Phật, Bồ tát, trời, thần đang vây quanh Phật và Phật mẫu trong mạn đà la. Rồi các anh chị quán tưởng đấng đạo sư kim cương – là vị thầy truyền pháp - đang dắt mình đi qua từng cánh cửa một để nhận pháp quán đánh.

Trước hết, các anh sẽ được dẫn vào cửa Bắc màu trắng, liên quan đến thân kim cương. Ở đó các anh chị sẽ nhận hai pháp quán đánh đầu tiên trong số bảy pháp quán đánh sơ sanh. Tiếp theo, các anh chị sẽ được dẫn đến cửa Nam màu đỏ của miệng kim cương, ở đó nhận pháp quán đánh thứ ba và thứ tư. Tiếp theo là cửa Đông màu đen, nhận pháp quán đánh thứ năm và thứ sáu. Cuối cùng đến cửa Tây màu vàng nhận phép quán đánh thứ bảy. Vậy mỗi cánh cửa của mạn đà la tương ứng với một trong bốn giọt tinh chất, thanh tịnh đi thì chuyển thành bốn kim cương. Các anh chị nhận được phép quán đánh dựa trên căn bản này.

Vì có mối tương quan đặc biệt giữa màu sắc và phương hướng, nên các pháp quán đánh được truyền thọ từ nhiều phương hướng khác nhau. Tất cả đều xảy ra trong quán tưởng, trên thực tế các anh chị vẫn ngồi yên trên ghế. Các pháp quán đánh không những giúp thanh tịnh nghiệp chướng liên quan đến bốn giọt tinh chất, mà còn gieo trồng thiện duyên vào tâm thức, giúp thành tựu bốn thân Phật trong tương lai.

Pháp quán đánh đầu tiên là pháp quán đánh nước¹, tương đương với việc tắm rửa trẻ sơ sanh. Đối tượng cần thanh tịnh hóa ở đây là ngũ uẩn và ngũ đại, nghĩa là năm hợp thể [ngũ uẩn] và năm yếu tố vật lý [ngũ đại].

¹ *water initiation*

Nhìn chung mà nói, hệ thống *Kalachakra* có không phải năm mà là sáu hợp thể và sáu yếu tố, hợp thể thứ sáu là thức và yếu tố thứ sáu cũng là thức. Ở đây vì phân riêng ra mà nói, nên có năm hợp thể là sắc, thọ, tưởng, hành và thức, còn hợp thể thứ sáu là trí giác bản lai.

Pháp quán đánh nước thanh tịnh hóa năm hợp thể và năm yếu tố. Lý do vì sao truyền thọ pháp quán đánh này, là vì lúc rời thai mẹ là lúc năm hợp thể và năm yếu tố nhập vào cuộc sống. Trẻ sơ sinh trước tiên được tắm rửa bằng nước. Pháp quán đánh này ví như tắm đứa bé, gieo trồng thiện duyên để đạt thân Phật về sau. Đó là giải thích dựa vào nền tảng, đạo và quả.

Hai pháp quán đánh đầu tiên liên quan đến thân Phật. Pháp quán đánh đầu tiên là “nước”, pháp quán đánh thứ nhì là “mũ miện”¹. Sau đó, các anh chị đi qua cửa Nam và nhận hai phép quán đánh tiếp theo, là “trang sức”², và “chày kim cang và chuông báu”³. Hai pháp quán đánh này thanh tịnh hóa lời nói. Khi trẻ sinh ra, khí tán vào cơ thể. Cơ thể con người có tất cả 72000 đường khí mạch, lúc chào đời, các đường khí mạch mở ra đến tận tứ chi, khí tán vào đó, nhờ vậy trẻ có khả năng nói cười. Vậy khí liên quan đến khả năng phát tiếng nói. Hai pháp quán đánh “trang sức” và “chày kim cang chuông báu” thanh tịnh hóa hệ thống khí và khí mạch. Đây là đối tượng cần thanh tịnh hóa trên suốt con đường tu nếu muốn thành tựu miệng kim cang của *Kalachakra*.

Pháp quán đánh thứ năm và thứ sáu được truyền ở cửa Đông màu đen, liên quan đến ý kim cang. Đối tượng cần thanh tịnh ở đây là những kinh nghiệm thỏa mãn giác quan. Đứa bé dần lớn lên, bắt đầu dùng giác quan để chơi đùa, tiếp xúc với thế giới xung quanh. Giác quan được thỏa mãn với hình đẹp, tiếng hay, vị ngon, vân vân. và tất cả những cảm giác này đều thuộc phạm vi của ý. Ý là yếu tố chính kinh nghiệm và sử dụng các loại thức, mở cửa giác quan, trải qua nhiều loại cảm giác. Vấn đề của chúng sinh là vì nghiệp và phiền não, nên kinh nghiệm giác quan nào cũng toàn là ô nhiễm. Hai pháp quán đánh này nhằm thanh tịnh hóa các cửa ngõ giác quan [căn], và đối tượng của giác quan [trần].

¹ crown initiation

² ear tassel initiation

³ vajra and bell

Khi lớn lên, đứa trẻ học cách lấy tay cầm đồ vật, lấy chân đi đứng. Tất cả đều liên quan đến khí và tâm. Ở đây hành giả dựa vào hai pháp quán đánh này để thanh tịnh mọi đối đãi phân biệt, nhờ đó bước vào lãnh vực hoạt dụng tối hảo của Phật đà, thành tựu ý kim cương của Phật *Kalachakra*.

Pháp quán đánh thứ bảy được truyền ở cửa Tây màu vàng, liên quan đến trí giác bản lai kim cương¹. Thịnh thoảng xem phim ảnh khoa học chúng ta có thể thấy khi mới nhập thai mẹ thai nhi không có khả năng cử động. Dần dần khí mạch thành hình, chân tay bắt đầu mọc. Trước hết là đường khí mạch chính giữa, sau đến hai đường khí mạch bên phải và bên trái, rồi toàn bộ hệ thống khí mạch tỏa ra, chân tay thành hình, thai nhi bắt đầu có khả năng chuyển động. Hơi thở đầu tiên khi nhập thai mẹ là hơi thở của trí giác bản lai, nói cho thật chính xác, là khí của trí giác bản lai. Pháp quán đánh thứ bảy được truyền trên căn bản này.

Như đã nói, con người có sáu hợp thể [uẩn] và sáu yếu tố [đại]. Hợp thể thứ sáu là trí giác bản lai, và yếu tố thứ sáu là ý thức. Ở đây cả hai đều được thanh tịnh qua pháp quán đánh thứ bảy, tạo duyên lành để thành tựu trí giác bản lai đại lạc bất động trong tương lai. Nói bất động, có nghĩa là khí bản lai sẽ được mang về an trú vĩnh viễn trong đường khí mạch chính giữa, sẽ không di chuyển qua nơi khác trong hệ thống khí mạch, hay qua các vùng khác trong cơ thể. Trí giác bản lai đại lạc bất động là danh từ chỉ thấy có trong *Kalachakra*.

Khi nhận pháp quán đánh này, các anh chị tạo duyên lành để thành tựu trí giác bản lai của Phật trong tương lai. Lời giải thích cũng lại được trình bày qua nền tảng, đạo, và quả.

Khi ngồi dự đại lễ quán đánh, các anh chị sẽ được nhận nhiều vật cụ thể, như nước để nhấp môi, bình bát để đặt trên đỉnh đầu, nhẫn, dây lụa, mũ miện để đeo vân vân. Khi gặp trường hợp như vậy, các anh chị không nên chỉ chạm vào món vật rồi nghĩ rằng: “vậy là đủ, mình đã nhận được lực gia trì”. Chỉ như vậy thôi không thể gọi là đủ. Nhận lực gia trì theo kiểu nhấp nước đeo mũ như vậy, cả ngoại đạo cũng có thể có. Nghi lễ này trong Phật giáo có ý nghĩa đặc biệt, ví dụ như nước hay mũ miện, nhấp nước, đội mũ, mỗi việc có đủ chức năng để thanh tịnh hóa một loại nghiệp chướng, gieo vào tâm thức một loại duyên lành. Khi đưa môi nhấp nước, các anh

¹ *vajra primordial wisdom*

chị trước hết phải cảm thấy nước chan hòa rót vào thân, bao la cùng khắp, khiến các anh chị cảm thấy vô cùng an lạc sáng suốt, tâm các anh chị an trú trong trí giác đại lạc.

Trí giác đại lạc này quán chiếu tánh Không, trực chứng tánh Không. Đại lạc và tánh Không kết hợp, khởi hiện trong tâm thức, và đây mới chính là chất nước thật sự của pháp quán đánh.

Mỗi pháp quán đánh tương ứng với một loại nghiệp chướng cần thanh tịnh và một loại duyên lành cần gieo vào tâm thức. Vị đạo sư kim cương [vị thầy truyền pháp quán đánh] sau mỗi pháp quán đánh thường chỉ dẫn chúng ta nên chú tâm vào điểm nào, quán niệm mình đang thanh tịnh loại nghiệp chướng nào, gieo lại duyên lành nào cho thành tựu nào trong tương lai.

Trong *Kalachakra*, thanh tịnh năm yếu tố vật lý [ngũ đại] là gieo duyên lành để sau này chuyển năm yếu tố thành năm vị phối thân của *Kalachakra*. Thanh tịnh năm hợp thể [ngũ uẩn] là gieo duyên lành để sau này chuyển năm hợp thể thành năm vị Phật của năm Phật bộ trong *Kalachakra*. Thanh tịnh mười loại nghiệp khí trong cơ thể là gieo duyên lành để sau này thành tựu mười vị *Shaktis* [mười năng lực ba la mật]. Thanh tịnh hai đường khí mạch bên trái và bên phải là gieo duyên lành để sau này thành tựu thân Pháp chủ mạn đà la, là *Kalachakra*. Thanh tịnh sáu giác quan [sáu căn], và sáu đối tượng của giác quan [sáu trần] là gieo duyên lành để sau này thành tựu 6 vị Như lai dưới dạng phụ mẫu quanh *Kalachakra*. Thanh tịnh sáu lực, ví dụ như khả năng cử động tay chân, là gieo duyên lành để sau này thành tựu sáu vị Như lai hung nộ dưới dạng phụ mẫu quanh *Kalachakra*.

Khi nhận pháp quán đánh, các anh chị cần biết rõ mình đang thanh tịnh hóa những gì và để làm gì. Những gì vừa nói trên về đối tượng và thành quả của quá trình thanh tịnh hóa, các anh chị nên nhớ rõ.

Nếu chịu khó quan sát các anh chị có thể thấy mạn đà la *Kalachakra* có ba vòng tròn từ ngoài vào trong, đó là mạn đà la của thân, miệng và ý. Đó là mối tương quan giữa các đối tượng cần thanh tịnh hóa, và kết quả thành tựu nằm trong mạn đà la của ý.

Bảy pháp quán đánh sơ sanh được truyền cho người bước vào giai đoạn phát khởi [Mật tông tối thượng du già có hai giai đoạn, phát khởi và viên thành]. Sau khi nhận bảy pháp quán đánh sơ sanh, hành giả có thể tự quán tưởng mình là vị Pháp chủ *Kalachakra*, và có thể bắt đầu hành trì cái gọi là “tâm hãnh diện nhiệm màu”¹ với thân Phật trong quán đánh.

Tiếp theo bảy pháp quán đánh sơ sanh là tiểu bộ bốn pháp quán đánh. Pháp quán đánh đầu tương ứng với giai đoạn phát khởi, ba pháp sau tương ứng với ba chặng đường trong giai đoạn viên thành: 1. thành tựu Báo ứng thân *Kalachakra*; 2. thành tựu Pháp thân *Kalachakra*; 3. thành tựu sự hợp nhất của tam thân Phật.

Đó là lý do vì sao trong mạn đà la *Kalachakra* lại có mặt trăng ở cửa Đông Bắc và mặt trời ở cửa Tây Nam. Mặt trăng và mặt trời tiêu biểu cho hệ thống tu giai đoạn viên thành khác thường này.

Báo ứng thân của *Kalachakra* được thành tựu như thế nào? Trước hết, thu nhiếp khí vào đường khí mạch chính giữa. Một phần của cơ thể vật lý được tiêu trừ, một phần Báo ứng thân hiển lộ. Như đã nói, thân vô sắc được hình thành nhờ kiên trì thu nhiếp tiêu trừ từng nguyên tử của thân vật lý.

Pháp quán đánh bình bát gia lực cho hành giả hành trì giai đoạn phát khởi. Pháp quán đánh kín mật là bước đầu tiên vào giai đoạn viên thành, tương ứng với giai đoạn thành tựu Báo ứng thân. Sau đó là pháp quán đánh trí tuệ, tương ứng với giai đoạn thành tựu Pháp thân. Pháp thân được thành tựu nhờ thu nhiếp khí vào đường khí mạch chính giữa, khiến tâm đại lạc bất động hiển lộ, rồi dùng Tâm này quán chiếu tánh Không. Khi Tâm đại lạc này chứng ngộ tánh Không thì gọi là trí giác bản lai đại lạc bất động, và đây chính là nền tảng thành tựu Pháp thân *Kalachakra*. Phương pháp hành trì này liên quan ến pháp quán đánh thứ ba là pháp quán đánh Trí tuệ.

Hai pháp quán đánh quý giá này tương ứng với hai chặng đường, trước thành tựu Báo ứng thân, sau thành tựu Pháp thân. Tiếp theo chúng ta bước vào pháp quán đánh cuối cùng là danh tự. Pháp quán đánh này tương ứng với giai đoạn kết hợp Báo ứng thân với Pháp thân. Hành giả từ trong định từng phần tiêu trừ các yếu tố

¹ *divine pride*

vật lý. Giai đoạn này phải kiên trì thực hiện từng phần, không thể trong một lúc mà xong ngay được.

Mật kinh *Kalachakra* nói có mười hai địa bồ tát, là mười hai giai đoạn tu chứng quả Phật *Kalachakra*. Mười hai địa này tương ứng với mười hai khúc của đường khí mạch chính giữa, mỗi khúc như vậy phân ra thành 1800 phần nhỏ.

Như đã nói, mỗi khi khí được thu nhiếp vào đường khí mạch chính giữa, sẽ có một phần hợp thể vật lý tương ứng được tiêu trừ, và một phần của thân vô sắc được thành tựu. Vậy trong pháp môn đặc biệt này, hành giả qua mỗi địa bồ tát phải thu nhiếp 1800 giọt tinh chất, tiêu trừ 1800 thành phần vật lý và thành tựu 1800 thành phần của thân thân vô sắc. Khi chuyển hết 12 địa bồ tát, hành giả tiêu trừ được toàn bộ 21600 (12x1800) thành phần vật lý của thân thể, thành tựu thân vô sắc, hoàn thành sự kết hợp thuần nhất của ba thân Phật, đạt địa vị Kim Cang Tát Đỏa.

Như đã nói, các cụm 1800 thành phần vật lý này chỉ có thể được tiêu trừ từng phần. Nói tiêu trừ từng phần là chữ dùng cho tiện, thật chính xác thì phải nói là tuần tự xếp chồng hai loại tinh chất trắng đỏ. Hành giả phải thu nhiếp các luồng khí tứ tán trong cơ thể về lại đường khí mạch chính giữa, rồi đẩy các giọt tinh chất đỏ xếp chồng từ trên xuống. Giọt tinh chất đỏ đầu tiên đẩy ép lên trên cùng, các giọt khác lần lượt theo đó xếp chồng xuống. Rồi hành giả lại ép giọt tinh chất trắng đầu tiên xuống dưới cùng đường khí mạch chính giữa, các giọt khác lần lượt xếp chồng từ dưới lên. Cứ như vậy cho đến khi toàn bộ 21600 giọt tinh chất đều được thu nhiếp và xếp chồng trong đường khí mạch chính giữa. Quá trình xếp chồng tinh chất đỏ từ trên xuống và tinh chất trắng từ dưới lên này được thể hiện trong Mạn đà la *Kalachakra* qua hình mặt trăng ở cửa Đông Bắc và mặt trời ở cửa Tây Nam. Mặt trăng và mặt trời tượng trưng cho phương pháp xếp chồng các giọt tinh chất trong giai đoạn viên thành.

Khi nhận pháp quán đánh vào các mạn đà la khác, thường hành giả phải đeo mũ miện màu xanh hay đen, nhưng mũ miện trong *Kalachakra* luôn luôn đỏ, đó là biểu tượng của giọt tinh chất đỏ xếp chồng từ trên xuống. Cũng vì lý do này mà tóc Phật *Kalachakra* màu đỏ.

Sử viết, khi vị quốc vương dòng *Kulika* là *Manjushrikirti* truyền pháp quán đảnh *Kalachakra*, ngài đội mũ miện kết bằng bờm sư tử, đây cũng có thể là một biểu tượng của phương pháp tu đặc biệt này.

Đến đây chấm dứt phần giới thiệu sơ lược về pháp quán đảnh *Kalachakra*.

Thầy cũng xin nói thêm vì sao đức Đạt-lai Lạt-ma lại đặc biệt quan tâm đến *Kalachakra*, vì sao nhiều người lại thích đến dự pháp quán đảnh *Kalachakra* do đức Đạt-lai Lạt-ma truyền. Nguyên do của việc này, thầy nghĩ các anh chị cũng muốn biết.

Nguyên do đầu tiên, như đã nói, quốc vương *Pundarika* (tên khác: *Pema Karpo*) dòng *Kulika* là người soạn bộ luận tên “*Ánh Sáng Thuần Khiết*”. Vị này được xem là hiện thân của Quan thế âm, và đức Đạt-lai Lạt-ma cũng được xem là hiện thân của Quan thế âm. Đức Đạt-lai Lạt-ma là hiện thân của *Pundarika*. Vì vậy nhận pháp quán đảnh *Kalachakra* do đức Đạt-lai Lạt-ma truyền đặc biệt có ý nghĩa.

Lý do thứ hai, đức Đạt-lai Lạt-ma là người chấp trì dòng truyền thừa của pháp quán đảnh này. Quốc vương *Pundarika* dòng *Kulika* là vị tổ sư đầu tiên, soạn bộ luận và nghi thức truyền pháp quán đảnh. Dòng truyền thừa này được truyền xuống không gián đoạn, qua đến Tây tạng. Nhìn lại từ xưa đến nay, những vị thầy tích cực hoằng dương pháp *Kalachakra* đều là những đời Đạt-lai Lạt-ma.

[hết phần giảng pháp]

Đường vào KALACHAKRA

Phần 2 : Hỏi Đáp

Introduction to *Kalachakra* – Questions & Answers
by **Jhado Rinpoche** - Bodhgaya, January 2002



Phần hỏi đáp

Bài giảng sơ khởi - **Đại sư Jhado Rinpoche**
chuẩn bị cho đại lễ quán đảnh *Kalachakra*
do đức Đạt-lai Lạt-ma truyền tại Bồ Đề Đạo Tràng, Ấn độ, tháng 1 năm 2002.

Chưa nhận pháp quán đảnh Kalachakra có thể đọc



Hồng Như (Anh Ho) việt dịch tháng 03 năm 2004.

Hỏi. Sau khi nhận pháp quán đảnh *Kalachakra* về, người tu cần chuyên tâm vào những gì?

Đáp. Nói chung một khi đã nhận pháp quán đảnh *Kalachakra*, sẽ có rất nhiều điều các anh chị cần chuyên tâm tu tập. Tuy nhiên quan trọng nhất vẫn là thuần hóa tâm mình theo Hiền pháp. Thầy xin trích một câu tụng trong “căn bản của mọi tánh đức” do Lama Tsong Khapa soạn, như sau:

*Sau khi tâm đã thuần hóa theo con đường căn bản
Xin hộ trì cho con bước vào Kim cang thừa
là cánh cửa mở ra cho những người con may mắn.*

Câu tụng này nói rõ muốn bước vào Kim cương thừa trước hết phải thuần hóa tâm mình theo con đường căn bản [*common path*, còn gọi là *lamrim*]. Con đường căn bản là đoạn đường Hiển Mật đều bước theo, bao gồm những điểm trọng yếu trong Phật Pháp như qui y, tâm bồ đề, và tánh Không. Một khi tâm thức đã chuyên, đã có được ấn tượng sâu sắc về ba điểm trọng yếu nói trên, chừng đó bước vào hai giai đoạn phát khởi và viên thành của Mật tông sẽ được thành tựu mau chóng. Ba điểm trọng yếu nói trên nếu gieo trồng được vững chắc trong tâm thức, khi ấy năng lực gia trì đến từ pháp quán đảnh *Kalachakra* mới thật sự mãnh liệt. Khi nhận pháp quán đảnh *Kalachakra*, sự khác biệt giữa người nắm vững con đường căn bản với người chưa nắm vững có thể ví như sự khác biệt giữa người đi máy bay hay đi xe đạp. Nơi đến tuy giống nhau, nhưng vận tốc khác nhau xa.

Thường chúng ta nhận rất nhiều pháp quán đảnh, nhưng vẫn chưa thấy chút thành tựu nào. Vấn đề không nằm ở mật pháp nhận về, mà ở chỗ chúng ta có đủ nền tảng để tu theo mật pháp hay chưa. Thầy xin nhắc nhở các anh chị, *lamrim* với qui y, tâm bồ đề và tánh Không là những yếu tố không thể thiếu nếu thật sự muốn tu đến nơi đến chốn.

Tu hành tinh tấn theo *lamrim*, theo con đường căn bản, lấy đó làm nền tảng bước vào mật pháp, được như vậy điều xảy ra sẽ giống như khi xưa vào ngày rằm tháng ba, ngài *Manjushrikirti*, quốc vương dòng *Kulika*, truyền pháp quán đảnh cho *Nyime Shinda* cùng 35 triệu hiền giả khác của vương quốc Shambala. Vào ngày rằm tháng tư, *Nyinme Shinta* cùng tất cả 35 triệu hiền giả thành tựu đại định, chỉ một tháng sau ngày nhận pháp quán đảnh.

Làm sao có thể thành tựu nhanh đến như vậy? Pháp quán đảnh *Kalachakra* do ngài *Manjushikirti* truyền và pháp quán đảnh chúng ta đã nhận và sẽ nhận có khi hàng chục lần hoàn toàn không khác. Khác chăng chỉ ở nơi người nhận, có đã tu hành nghiêm chỉnh theo con đường căn bản hay chưa. Một khi tâm đã chuyên nhờ tu theo con đường căn bản, nhận pháp quán đảnh rồi chỉ một tháng là thành tựu.

Như mật pháp *Hevajra*, nhiều người nhận thật nhiều lần pháp quán đảnh *Hevajra*, còn *Milarepa* nhận pháp này từ sư phụ là *Marpa*, nhận rồi nhập thất tịnh tu, không bao lâu thành tựu quả vị Phật vì ngài tu theo *lamrim* đã thuần thực. Rõ ràng điểm khác nhau giữa những bậc tu chúng và chúng ta chỉ là các ngài đã từng khổ tu theo con đường căn bản, tâm đã chuyển hóa, còn chúng ta vì thiếu yếu tố căn bản này mà tự tạo

chướng ngại cho con đường tu chứng của mình. Thầy xin nhấn mạnh, các anh chị cần cố gắng tu tập ba điểm trọng yếu của *Lamrim* là qui y, tâm bồ đề và tánh Không. Điều này rất quan trọng.

Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là nhận pháp quán đánh rồi về vật *Kalachakra* qua một bên, dồn hết công sức cho con đường căn bản. Thầy không nói như vậy. Nhận pháp quán đánh rồi, sẽ có một số công phu tối thiểu cần phải giữ cho thật siêng thật bền, như là phải trì chú, tụng kinh, quán tưởng, nhập thất vân vân. Nhưng ngoài những công phu tối thiểu này ra, các anh chị nên gắng công chuyển hóa tâm mình theo con đường đi chung với Hiền pháp.

Hỏi. Sau khi nhận pháp quán đánh, về tu theo bài tụng *Sáu Thời Công Phu Đạo Sư Du Già Kalachakra*, đâu là những điểm trọng yếu cần chuyên tâm?

Đáp. Bài nhật tụng *Sáu Thời Công Phu Đạo Sư Du Già Kalachakra* là do đại sư Ling Rinpoche soạn theo lời thỉnh cầu của đức Đạt-lai Lạt-ma. Chính đức Đạt-lai Lạt-ma soạn dàn bài cho Ngài Ling Rinpoche viết. Trong dàn bài, đức Đạt-lai Lạt-ma ghi lại tất cả những điểm trọng yếu của bài tụng. Lời cuối bài nhật tụng có ghi rõ như vậy. Thầy từng gặp nhiều người Tây phương than phiền sao bài tụng dài quá.

Những điểm trọng yếu của bài tụng này có thể dựa vào dàn bài của đức Đạt-lai Lạt-ma mà biết được. Trước hết hành giả quán tưởng vị đạo sư của mình [đức Đạt-lai Lạt-ma] là Pháp chủ cõi Phật *Kalachakra*. Đứng trước cõi Phật, hành giả nhận bồ tát giới, dâng lên cúng phẩm cúng dường, có cúng phẩm ngoại tại, nội tại, kín mật, chân như cùng các cúng phẩm bình thường và phi thường. Từng loại cúng phẩm tương ứng với từng giai đoạn trên đường tu. Ví dụ cúng phẩm ngoại tại là tạo duyên lành thành tựu giai đoạn phát khởi; cúng phẩm nội tại là tạo duyên lành thành tựu thân vô sắc; cúng phẩm kín mật là tạo duyên lành thành tựu tâm đại lạc bất động tối thượng; cúng phẩm cứu cánh hay chân như, là tạo duyên lành thành tựu sự bất nhị.

Cúng phẩm ngoại tại có hai loại, cúng phẩm bình thường và cúng phẩm phi thường. Đồng thời hành giả còn cúng dường mạn đà la, cúng dường thần chú danh xưng của vị đạo sư kim cương [là vị thầy truyền pháp quán đánh, đức Đạt-lai Lạt-ma]. Thần chú danh xưng của đấng đạo sư đọc lên là để thỉnh cầu năng lực gia trì của đạo sư. Phương pháp quán tưởng đạo sư du già này rất đặc biệt, không có trong các bài tụng sáu thời

công phu đạo sư du già khác. Vậy trì tụng thần chú danh xưng là đặc điểm thứ nhất của *Sáu Thời Công Phu Đạo Sư Du Già Kalachakra*.

Sau khi nhận pháp quán đảnh, hành giả cần mỗi ngày sống lại thời gian nhận pháp, để giữ gìn nguồn năng lực gia trì đã gieo trong tâm thức, không để gián đoạn, thất thoát. Hành giả quán tưởng theo giống như phương pháp tự truyền pháp quán đảnh [*self initiation*]. Tương tự như trong bài Sám Đạo sư [*Guru Puja*] có một câu đặc biệt nói về phương pháp tự truyền pháp quán đảnh, hành giả quán tưởng ba dòng cam lộ trắng, đỏ và xanh khởi từ ba luân xa của vị đạo sư rót vào ba luân xa tương ứng của đệ tử. Thần chú danh xưng đạo sư trong *Kalachakra* cũng tương tự như vậy, hành giả quán tưởng mình nhận lại toàn bộ mười một pháp quán đảnh, để năng lực gia trì không bị thất thoát, gián đoạn.

Đặc điểm khác của bài tụng này là cuối phần đạo sư du già có một đoạn nhỏ giúp hành giả khởi hiện sắc thân Pháp chủ *Kalachakra*, sau khi hoàn thành mọi giai đoạn trong giai đoạn phát khởi. Nói khởi hiện sắc thân Pháp chủ *Kalachakra*, có nghĩa là khởi hiện thân *Kalachakra* trong dạng phụ mẫu, cùng mười vị Shaktis xung quanh, tổng cộng mười hai đấng Như lai với hai vị Pháp chủ đứng giữa và và mười vị xung quanh. Khi ấy nếu tụng thần chú của từng vị theo đúng cách, thì cũng như là đã hành trì phương pháp tự-khởi-hiện [*self-generation*], cực kỳ ngắn gọn, nhưng đầy đủ. Tụng đủ số thần chú của từng vị là kể như đã “nhập thất” [*approximation retreat*]. Đây lại là một đặc điểm phi thường của bài tụng này, vì trong các bài tụng đạo sư du già khác, phương pháp tự-khởi-hiện không đầy đủ, và cũng không thấy nơi nào có phương pháp trì mật chú tương đương với nhập thất [*approximation retreat*].

Đó là những đặc điểm của bài tụng đạo sư du già *Kalachakra*. Vì vậy mà bài tụng này cực kỳ quý hiếm. Mặc dù có rất nhiều phương pháp tụng đạo sư du già, nhưng ít khi thấy có bài tụng nào giống như trong *Kalachakra*.

Hỏi. Xin thầy một lời khuyên về thứ tự những gì cần chuyên tâm (quán tưởng, tượng tượng, tụng chú, tâm hãnh diện nhiệm màu vân vân...)

Đáp. Ở đây thầy xin trả lời theo quan điểm riêng của thầy. Quan điểm riêng của thầy không phải là chân lý của mọi sự. Theo thầy thấy, thầy mỗi ngày phải tụng một bài tụng dày bằng tập sách trước mặt thầy đây. Một bài tụng dài và sâu rộng như vậy, lúc

mới tu học không ai có thể hiểu hết mọi ý nghĩa ẩn hàm trong đó. Vậy theo ý thầy, trước hết các anh chị nên tu hành dựa theo bài tụng sáu thời công phu đạo sư du già. Ráng tìm hiểu đại khái ý nghĩa của bài tụng. Phần này là để làm gì, mang ý nghĩa gì, phải hành trì ra sao.

Khi mới tu học, hình ảnh trong quán tưởng có hiện rõ hay không, không quan trọng gì lắm, các anh chị không cần phải quan tâm. Điều quan trọng là phải cố gắng chuyển hóa tâm thức theo con đường căn bản [qui y, tâm bồ đề, tánh Không].

Đầu mỗi buổi công phu, điều quan trọng nhất là khởi tâm qui y tam bảo, cho thật vững vàng, mạnh mẽ. Rồi bất cứ bài tụng nào cũng nói là từ chân Không khởi hiện thân Phật, phải phối hợp trí tuệ về tánh Không cùng với kinh nghiệm đại lạc, từ đó khởi hiện thân Phật. Vì lý do đó, các anh chị phải siêng năng quán niệm tánh Không. Mỗi ngày ít nhất đôi ba lần quán niệm tánh Không, bằng không là phạm mật giới.

Khi khởi hiện thân Phật, là người mới tu học các anh chị chỉ cần phát khởi chút hình tướng mơ hồ của thân Phật là đủ, không đòi hỏi phải có ngay sắc tướng rõ rệt, trong sáng, cũng không cần phải hiểu sâu xa về sắc tướng vi tế của Phật. Chỉ cần hiểu đại khái hình này màu này có nghĩa gì. Ví dụ Phật *Kalachakra* vì sao chân phải màu đỏ, chân trái màu trắng, thân hình lại màu xanh... màu sắc như vậy có nghĩa gì. Khi khởi hiện thân Phật, các anh chị phải nhớ về ý nghĩa của màu sắc và trang sức cầm tay; về tánh đức của Phật *Kalachakra*; về chướng ngại Phật *Kalachakra* đã loại bỏ; về thành tựu Phật *Kalachakra* đã trải qua. Khởi hiện thân Phật *Kalachakra* là nhớ tất cả những ý nghĩa được biểu hiện qua sắc thân ấy, đây là điều rất quan trọng.

Bằng không, nếu chỉ quán tưởng thân *Kalachakra* mà không hiểu thân ấy mang ý nghĩa gì, lại cố gắng cho hình hiện lên thật rõ, làm như vậy sẽ khiến tinh thần mệt mỏi và sớm cảm thấy mình làm chuyện mất thì giờ. Ví dụ khi thỉnh Như lai cùng ruộng phước đến để cúng dường nước, vòng hoa, hương đốt, hương xoa, vân vân, làm như vậy không phải vì Phật đói khát, hay Phật không được thơm. Chắc chắn là Phật không có những giới hạn như chúng ta có. Chỉ là để thanh tịnh cái nhìn hư vọng của chúng ta về thế giới hiện tượng nên mới cúng dường những cúng phẩm ngoại tại lên Phật, tưởng tượng từ Phật khởi hiện kinh nghiệm bất nhị của tánh Không và đại lạc. Cúng dường như vậy là để tạo nhân duyên thanh tịnh hóa cái nhìn hư vọng về thế giới hiện

tượng. Lúc cúng dường, cần nhớ nghĩ như vậy, biết rõ phẩm cúng dường của mình tương ứng với giai đoạn nào trên con đường tu chứng *Kalachakra*.

Các anh chị nếu hàng ngày đi làm, lo việc gia đình, thời gian eo hẹp, vậy có thể tu theo dạng cực kỳ ngắn gọn, nhớ rằng mình đã cúng dường những gì, ý nghĩa cúng dường ra sao, vậy thôi cũng đủ. Phật tử Tây phương có thể thu xếp để hàng năm có được vài tuần hay một tháng, dành riêng cho việc tu tập, nhập thất, nghe pháp, vân vân, hoặc chỉ một tuần nhập thất, chuyên tâm vào việc tu tập, tìm 1 miền núi yên tĩnh nào đó, hoặc chỉ giản dị tránh xa ra khỏi chỗ ở hàng ngày của các anh chị. Nếu là nhập thất, các anh chị có thể cả ngày thiền quán về *Kalachakra*, khi ấy có thể đi sâu vào chi tiết. Ví dụ như cúng phẩm này thật sự mang ý nghĩa gì, sắc tướng ra sao, khởi hiện như thế nào, từ đâu mà khởi hiện và khởi hiện xong thì trở về đâu, vì sao lại từ tim mà khởi hiện, các vị thiên nữ dâng cúng phẩm hình dáng của mỗi vị ra sao, có bao nhiêu cánh tay, gương mặt như thế nào, vân vân, ráng tưởng tượng phong phú đủ loại cúng phẩm hoa nước vân vân.

Làm như vậy chủ yếu là để thu nhiếp tất cả mọi thành phần vật chất thô lậu về lại thật tánh Không, thanh tịnh hóa trong thật tánh Không, rồi khởi hiện thành cúng phẩm, dâng lên các đấng Như lai, và tưởng tượng cúng phẩm này đầy khắp không gian vô tận. Trong bài tụng Đạo sư du già có một đoạn ngắn nói về các phẩm cúng dường. Các anh chị nếu có thì giờ, có thể cúng dường sâu rộng, dùng trí tưởng tượng của mình quán tưởng cho thật phong phú. Nếu không, chỉ đọc qua cũng được. Chỉ vài câu tụng thôi, đọc sơ qua cũng được, ngừng lại thật lâu cũng được. Nếu đi sâu vào chi tiết ví dụ như chi tiết về ánh sáng phóng ra vân vân, các anh chị sẽ thấy ở đây có nhiều điều thật thú vị.

Vì sao lại từ tim khởi hiện cúng phẩm, rồi lại thu nhiếp về trong tim? Vì thật tánh của tất cả mọi hiện tượng không những là Như [*suchness*], mà còn là ánh sáng chân như [*clear light*]. Từ tim khởi hiện những vị thiên nữ và ánh sáng, rồi thu nhiếp về lại tim là để nhắc nhở chúng ta sự hiện diện của ánh sáng chân như tiềm ẩn trong luân xa tại tim.

Dù tu theo mật pháp nào, tất cả đều dẫn đến cùng một thành tựu, là thu nhiếp tâm khí về lại đường khí mạch ở giữa, rồi thu nhiếp tất cả về giọt tinh chất bất hoại nơi tim. Nếu đời sống hàng ngày của các anh chị bận rộn, thiếu thì giờ, các anh chị không cần

phải đi sâu vào tất cả những chi tiết này, chỉ cần dâng cúng phẩm khởi hiện từ tim rồi tan hòa về tim, đức Phật nhận cúng phẩm với tâm hỉ lạc không ô nhiễm. Bấy nhiêu là đủ. Cho dù không có thì giờ quán niệm tâm hỉ lạc này không ô nhiễm như thế nào, cũng không cần phải lo lắng, vì bất kể cúng phẩm ra sao Phật chắc chắn luôn nhận với tâm hỉ lạc không ô nhiễm. Đừng lo lắng nếu các anh chị quán tưởng không rõ ràng, không biết tâm hỉ lạc không ô nhiễm ra sao để mà quán tưởng, đức Phật cũng không sao cả, các anh chị không cần lo lắng, chỉ cần có một khái niệm sơ qua là được.

Cúng dường có thật rộng rãi, tưởng tượng cúng phẩm có thật phong phú hay không, đều chỉ là việc thứ yếu. Quan trọng là khi tụng thần chú danh xưng của vị đạo sư kim cương và lúc tụng chú của các đấng Như lai trong mạn đà la, ngay lúc ấy các anh chị cần phải nhớ lại tất cả những điểm chính yếu của *lamrim*, của con đường căn bản, ví dụ tâm qui y, vô thường, nghiệp quả vân vân. Nếu không thể nhớ hết mọi giáo pháp trong *lamrim*, ít ra chia ra thành nhiều phần, mỗi ngày nhớ nghĩ về 1 phần khác nhau. Miệng tụng thần chú, tâm quán niệm miên mật về một giáo pháp trong *lamrim*. Làm như vậy là để thỉnh nguyện lực gia trì của vị đạo sư Pháp chủ, truyền cảm hứng cho các anh chị mau chóng thành tựu phần giáo pháp đó. Trong khi tụng chú các anh chị có thể quán niệm về tâm bồ đề, về tánh Không, vân vân, làm như vậy cũng giống như hướng về đấng đạo sư Pháp chủ mà nói: “xin hộ trì cho con thành tựu được phần giáo pháp này”.

Rồi các anh chị sẽ thấy công phu tu hành của mình khi tiến khi thoái, lên xuống thất thường. Vừa mới hạ quyết tâm sống chết vì chúng sinh, thoát một cái đã thấy mình lang thang trong khu phố, say sưa mua sắm. Vậy muốn khởi phí uổng công phu tu tập của mình, các anh chị nên thường xuyên nhớ nghĩ về con đường tu, luôn thỉnh nguyện đạo sư hộ niệm giữ gìn cho mình đi thẳng đến giác ngộ. Khi niệm chú, nên thỉnh nguyện như vậy, nhớ nghĩ về *lamrim*, quán tưởng ánh sáng và nước cam lồ từ ruộng phước như lai chảy xuống, thấm nhuần toàn thân, thanh tịnh hóa và truyền năng lực giúp các anh chị hoàn thành Phật đạo. Các anh chị không quán tưởng cho riêng mình, mà cho toàn bộ chúng sinh sáu cõi. Làm như vậy hoàn toàn vì tâm đại bi, vì tâm bồ đề, muốn lợi ích chúng sinh.

Thầy muốn nhắc tu theo *lamrim* là một trong những điểm quan trọng nhất của pháp *Kalachakra*. Điểm quan trọng thứ hai là khi quán tưởng thân Phật, phải khởi từ tánh Không, dựa trên bốn cửa giải thoát. Bình thường chỉ nói tới ba cửa giải thoát, nhưng

trong *Kalachakra* lại có bốn. Đó là Không, vô tướng, vô nguyện, vô tác, có nghĩa là sự không có tự tánh của nhân duyên, của bản thể, của kết quả và của hành động. Qua bốn cửa giải thoát này mà quán niệm tánh Không, khởi hiện thân Phật. Hành giả quán tưởng thân Phật hiện lên từ thiền định về tánh Không. Đây là điều quan trọng nhất.

Như thầy có đã giảng trong phần dẫn nhập, gọi Mật tông là đường tu quý giá chỉ vì trong cùng một niệm hành giả có thể thành tựu phương tiện và trí tuệ hợp nhất, có thể cùng một lúc thành tựu sắc thân và Pháp thân (trong *Kalachakra* gọi là thân trí giác bản lai). Đó là đặc điểm của Mật tông, Hiển tông không thấy nói đến. Tu theo mật pháp, các anh chị thiền quán tánh Không, rồi từ tánh Không khởi hiện thân Phật. Trí tuệ tánh Không hoạt hiện thành thân Phật. Vì vậy cả hai đồng loại thành tựu.

Nhìn vào khế kinh trong Hiển tông, thấy có chỉ cách tu phối hợp chỉ quán. Tu chỉ để định tâm, quán để đạt tuệ. Trong khi đó Mật tông chỉ có một phương pháp tu duy nhất là quán tưởng. Hình trong quán tưởng hiện ra trong sáng toàn hảo, đó là định, đồng thời thân Phật khởi hiện từ tánh Không nên mỗi niệm đều nhớ nghĩ tánh Không của thân Phật trong quán tưởng, đó là tuệ. Trong Mật tông, chỉ và quán là một, định và tuệ không tách rời. Thân Phật trong quán tưởng khởi hiện từ tánh Không, hành giả vừa quán niệm tánh Không, vừa từ tánh Không khởi hiện thành thân Phật nên đồng thời quán niệm về diệu dụng chân như của thân Phật. Đây là điều rất quan trọng trong phương pháp tu Pháp chủ du già.

Thân Phật *Kalachakra* khởi hiện dưới dạng phụ mẫu cùng với 10 vị Shaktis. Các đấng Như lai này đứng ở giữa, bốn phương chính bốn hướng phụ. Ngoài chuyện quán tưởng các vị này, hành giả còn phải nhớ nghĩ về ý nghĩa của từng vị, ví dụ như 10 vị Shaktis là mười hạnh ba la mật. Đây là điều cần nhớ càng nhiều càng rõ càng tốt, gieo vào tâm thức càng nhiều ấn tượng càng tốt, tạo duyên lành cho sau này mau chóng thành tựu hai giai đoạn phát khởi và viên thành.

Ngoài việc tu học *lamrim*, hành trì đều đặn không gián đoạn 6 thời công phu đạo sư du già, hành giả còn phải tìm đọc càng nhiều về *Kalachakra* càng tốt. Khi đọc sẽ gặp hai trường hợp hoặc hiểu, hoặc không hiểu. Phần nào hiểu rồi thì phải áp dụng ngay vào công phu hành trì mỗi ngày. Phần nào chưa hiểu thì phải tìm tòi học hỏi thêm nữa để có thể hiểu được.

Hỏi. Cần làm gì để hành trì tâm hãnh diện nhiệm màu?

Đáp. Khi quán tưởng thân Phật, để có được tâm hãnh diện nhiệm màu, điều quan trọng nhất là tâm phải định.

Theo thầy thấy, khi các anh chị ráng đạt tâm hãnh diện nhiệm màu, thấy đây là điểm quan trọng, dù sao đi nữa cũng vẫn nên có tâm qui y, tâm đại bi trước. Dựa trên đó mà xây dựng công phu tu tập của mình. Thiếu qui y, tâm bồ đề và tánh Không, dù thân Phật trong quán tưởng có hiện rõ ràng đến đâu đi nữa, dù tin chắc thân mình là thân Phật, thì tu như vậy cũng chưa phải là Phật Pháp. Nếu tu theo phương pháp Pháp chủ du già mà thiếu qui y, tâm bồ đề và tánh không thì không phải là Phật Pháp, đừng nói chi đến Phật Pháp Đại thừa.

Vậy tâm qui y, tâm bồ đề và tánh Không là nền tảng không thể thiếu. Phải có kinh nghiệm vững chắc về ba điểm này rồi mới có thể dựa lên đó mà xây dựng mọi công phu khác. Dù chưa thể đạt thành tựu trọn vẹn về qui y, tâm bồ đề, tánh Không, ít nhất phải có chút ấn tượng sâu đậm, chút cảm giác rõ ràng. Nên đạt một ít kinh nghiệm tâm linh về ba điểm trọng yếu này trước khi bước vào mọi lãnh vực khác trên đường tu như Pháp chủ du già.

Khi dọn đồ ăn ra, trước hết phải nếm thử xem món ăn ngon dở thế nào, sau đó mới xét tiếp coi món ăn trình bày như thế nào có đẹp hay không vân vân. Khi tu hành, cần phải vững vàng về ba công phu qui y, tâm bồ đề và tánh Không trước, được như vậy dù quán tưởng không rõ, tâm không định, ít ra công phu của mình cũng vẫn là Phật Pháp, vẫn là Đại thừa. Ngược lại nếu thiếu nền tảng này, dù quán tưởng có rõ, cũng không phải là Phật Pháp. Miễn sao nền tảng về qui y, tâm bồ đề và tánh Không vững vàng thì công phu của các anh chị nhất định sẽ là Phật Pháp Đại thừa.

Hỏi. Trước khi tự khởi hiện thành *Kalachakra*, cần phải nhớ lại tất cả những gì biết được về tánh Không. Xin thầy cho ít lời khuyên về điểm này.

Đáp. Tánh Không nói ở đây là tánh Không của đối tượng phủ định. Khi dùng chữ “không”, cần phải hiểu cái gì “không”. Ngài Long thọ có nói, con người không thể tìm thấy trong các yếu tố đất, nước, lửa, gió, không gian vân vân. Vậy con người nằm ở đâu? Ở đây phủ nhận đối tượng là phủ nhận các yếu tố vật lý, trước hết nhìn vào con

người, rồi phủ nhận bằng các yếu tố đất nước lửa gió không gian. Còn ngài Nguyệt Xứng trong “*Nhập Trung Đạo*” lại không nói thẳng về tánh Không, mà ví chủ thể với chiếc xe có bảy phần, rồi lấy đó mà phủ nhận chủ thể.

Nói vậy là để các anh chị thấy có rất nhiều phương pháp tiếp cận tánh Không. Tánh Không cũng có thể tiếp cận qua duyên khởi. Nếu các anh chị có đã học qua chương Trí Tuệ trong *Đại Luận về các Giai Đoạn Tu Chứng [Lamrim Chenmo]*, đại sư Tsong Khapa có nêu ra nhiều phương pháp tiếp cận tánh Không.

Theo đó tánh Không thật sự không đơn giản. Tánh Không rất phức tạp vì trước hết chúng ta phải biết nhận định đâu là đối tượng bị tánh Không phủ nhận. Nếu không nắm vững đối tượng phủ định, các anh chị dù có chứng được bao nhiêu không gian hay hư không đi nữa cũng vẫn không phải đang thật sự quán tánh Không. Tuệ giác tánh Không không dễ thành tựu, vì hoặc là các anh chị đang thật chứng tánh Không, hoặc không phải. Tánh Không là một đường tơ mỏng manh, hai bên là vực thẳm, phải thận trọng đừng rơi vào. Hai vực thẳm này là thường kiến [chấp sự vật tự có và thường còn] và đoạn kiến [chấp sự vật rỗng rang không thật có]. Hoặc các anh chị an trụ được trên đường tơ mỏng manh, hoặc rơi vào một trong hai hố thẳm. Tánh Không vì vậy không đơn giản. Nhưng nếu các anh chị có khả năng thấy được rõ ràng đối tượng phủ định, thì mọi sự lại dễ dàng hơn nhiều. Vậy các anh chị phải tập nhận định xem đối tượng phủ định là gì.

Đức Đạt-lai Lạt-ma thường giảng, nói theo ngài Long thọ, con người không phải là đất nước lửa vân vân, nhưng không phải vì vậy mà có thể kết luận con người không hiện hữu. Ngược lại, con người hiện hữu, là hợp thể của đất, nước, lửa, gió, không gian, ý thức. Sáu yếu tố này tập hợp lại, rồi con người là cái tên được gán lên hợp thể đó, gọi là giả danh. Con người hiện hữu tùy vào sự tập hợp của các hợp thể tâm lý và vật lý. Suy luận này có hai chiều: con người không thể tìm ra, nhưng hiện hữu tùy thuộc vào cái tên gán vào hợp thể, là giả danh. Vậy theo phương pháp tiếp cận này, thấy tánh Không là thấy được sự thiếu vắng những đặc tính cá nhân, cố định. Cần phải nhìn ra đối tượng phủ định trước khi có khả năng chứng ngộ về tánh Không. Vấn đề này rất sâu rộng cần phải nói thật nhiều. Thầy nghĩ các anh chị cũng nên biết.

Hỏi. Xin thầy chỉ cho biết đối tượng phủ định trong bài nhật tụng *Kalachakra*.

Đáp. Thường chúng ta hay nói đến tánh Không của con người, của cái ly, của những vật bên ngoài. Thầy nhớ kinh nghiệm đầu tiên của thầy trong đời này là khi nghe đức Đạt-lai Lạt-ma nói rằng ngay chính Tam bảo cũng chỉ là không, cũng chỉ là giả danh. Thầy nghe xong giật mình. Thầy xuất gia, cúng dường tất cả cho Tam bảo, trọn vẹn ước nguyện, hy vọng, chờ đợi đều đặt ở tâm qui y tam bảo, bỗng dưng nghe nói tam bảo cũng không có tự tánh, cũng chỉ là giả danh. Thật như một cú sốc trong tim, một cảm giác mất mát, trống vắng, như vừa đánh mất một điều gì trân quý vô cùng.

Điều này thật sự gây khủng hoảng. Thường thường chúng ta có khuynh hướng thích tánh không, vì tánh Không phủ nhận tất cả những điều tiêu cực như tham lam, giận dữ, phiền não, ác nghiệp vân vân, tất cả đều có thể thanh tịnh hoá nhờ thiền quán tánh Không. Chúng ta cảm thấy rất phấn khởi tu tập tánh Không. Rồi tự dưng lại nghe nói ngay cả những điều tốt đẹp trong cuộc sống, như Tam bảo, như những vị thầy đã đạt đạo, cũng không có tự tánh, cũng chỉ là giả danh, điều này khiến chúng ta cảm thấy sợ hãi bất an. Trong trường hợp này, đối tượng phủ định trong bài nhật tụng là tính chất cố định mà chúng ta lầm lẫn gán lên Tam bảo, lên đáng đạo sư.

Phương pháp phân tích tìm đối tượng phủ định này có thể được hành trì ở nhiều chỗ trong bài tụng Đạo sư du già. Ví dụ như khi khởi hiện thân Phật *Kalachakra*, các anh chị phải luôn luôn nhớ tới tánh Không của cảnh Phật trong quán tưởng. Bằng không sẽ có khuynh hướng tưởng lầm thân Phật và cảnh Phật hiện ra đó có tự tánh. Ví dụ khi quán tưởng ánh sáng và nước cam lồ rót xuống, nếu không nhớ nghĩ về tánh Không, sẽ thấy từng bọt ánh sáng với từng giọt nước lớn đổ trên đầu. Hết 90% người tu khi tiến đến giai đoạn này thường mê đắm cảm giác hỷ lạc, luôn có khuynh hướng quên mất tánh Không của kinh nghiệm đang hiện trong quán tưởng. Ví dụ khi quán tưởng mình là *Kalachakra*, các anh chị sẽ có cảm giác rất rõ rệt: “tôi là *Kalachakra*, tôi là *Kalachakra*”, nhưng nếu không hiểu vì sao lại có chuyện như vậy xảy ra, không hiểu về nền tảng của tánh Không, sẽ có khuynh hướng thấy thân tự khởi hiện *Kalachakra* này là chắc thật, là có tự tánh.

Thầy còn nhớ lúc nhỏ khi nhận pháp quán đảnh, vì quá nhỏ nên không ai giải thích tận tường về tánh Không cho thầy nghe, các sư phụ của thầy chỉ đơn giản nói rằng bây giờ con quán tưởng tánh Không, rồi từ tánh Không khởi hiện đức Bạch y Quan thế âm vân vân. Thầy lúc đó quán tưởng thân mình vỡ tan thành từng tế bào li ti, rồi tan biến hết. Đột nhiên một vệt ánh sáng hiện ra, từ từ tụ lại thành hình Phật. Thầy lúc nhỏ khởi

hiện thân Phật từ tánh Không theo cách này. Thầy nghĩ phần lớn các anh chị cũng làm giống như vậy.

Đây đương nhiên không phải là cách quán tưởng tốt nhất. Muốn quán tánh Không, trước hết phải quán về sự không có tự tánh của cái tôi, rồi từ tánh Không của cái tôi mà khởi hiện thân Phật. Còn tưởng tượng thân vật lý của mình tan biến đi rồi lại hiện thành ánh sáng với hình tướng Phật, làm như vậy thật ra không đúng cách lắm. Chúng ta cần quán về đối tượng phủ định, về sự không có đối tượng phủ định trên suốt đường tu. Ví dụ khi lạy sám hối, khi cúng dường, tán dương Phật, v.v..., lúc nào cũng là cơ hội tốt để các anh chị tìm đối tượng phủ định. Khi khởi hiện thân Phật, khi tụng chú, bất cứ lúc nào các anh chị cũng nên nhận diện đối tượng phủ định để thiền quán tánh Không.

Hỏi. Nên tụng thần chú danh xưng đạo sư và quán nước cam lồ thanh tịnh chảy xuống nơi bốn chỗ Om Ah Hung Ho của bốn pháp quán đánh, hay là nên tụng và quán tưởng khi đọc tới đoạn các vị Phật trong Mạn đà la truyền pháp quán đánh?

Đáp. Cả hai đều được. Phương pháp trước là phương pháp nhận pháp quán đánh rút gọn, phương pháp sau là phương pháp chi tiết hơn. Theo phương pháp ngắn gọn, khi đọc thần chú danh xưng đạo sư, nước cam lồ và ánh sáng ngũ sắc rót xuống, các anh chị nhận pháp quán đánh tương đương. Còn theo phương pháp chi tiết, phải quán tưởng từ trái tim của vị đạo sư hiện ra toàn thể mạn đà la cùng mọi vị thần và Phật cư trú trong ấy, vị Pháp chủ truyền đủ bốn pháp quán đánh. Phải quán tưởng vị Pháp chủ mạn đà la trong quán tưởng là một với vị Pháp chủ thật sự, từ đó truyền pháp quán đánh, khởi hiện các vị thiên nữ truyền pháp v.v..., đây là cách nhận pháp quán đánh chi tiết, cả hai đều được.

Hỏi. Làm sao có thể duy trì tâm kiêu hãnh nhiệm màu trong khoảng thời gian xuất thiền. Điều này rất khó làm.

Đáp. Phải cố gắng duy trì liên tục tâm kiêu hãnh nhiệm màu. Phải luôn nhớ là mình đang khởi hiện thân Phật, và giữ tâm kiêu hãnh nhiệm màu với thân của vị Pháp chủ mạn đà la mình đang mang. Khi ra xuất thiền, phải luôn luôn tự nhắc mình nhớ như vậy.

Người mới tu học không thể nào mang thân Phật suốt cả ngày, vì thật khó có thể trong mỗi phút giây đều hiện đủ mọi tướng và tánh của Phật. Các anh chị có thể chia một ngày ra thành nhiều phần, rồi chọn một vài thời điểm nhất định, ví dụ cuối buổi thiền, hãy gắng nhớ về tướng và tánh của Phật trong khoảng thời gian ngắn thôi. Hay ví dụ khi thức dậy, trước khi ăn, khởi hiện đầy đủ thân Phật, cúng dường bữa ăn, hay như khi lạy sám hối, chọn những thời điểm cố định trong ngày, ráng nhớ về thân Phật trong những lúc đó.

Bao giờ các anh chị đủ khả năng nhớ nghĩ về tướng và tánh của Pháp chủ mạn đà la trong mọi lúc, khi ấy làm bất cứ việc gì cũng sẽ tích tụ được tánh đức của Phật. Khởi hiện thân Phật một vài lần trong ngày để hơn là 24 tiếng liên tục. Có lần, có một vị thầy tu quán tưởng mình là vị Pháp chủ mạn đà la, sư phụ bảo anh ta rót nước, anh ta ngần ngừ không biết nên cầm ấm nước bằng tay nào, tay này, hay tay kia? Tâm kiêu hãnh nhiệm màu của anh ta quá mạnh, đến độ hết cả tay để cầm ấm nước. Anh ta bèn hỏi sư phụ: “tay này không được, tay này cũng không được, vậy cầm bằng tay nào?” thầy anh ta nói “vớ hai bàn tay chắc thật của con!”.

Hỏi. Vì sao lại gọi *Kalachakra* là mật pháp trung tính [*neutral tantra*]?

Đáp. Để hiểu về vấn đề này, chúng ta nên nói qua về đại sư *Tsong Khapa*. Đại sư là người đã từng nghiên cứu rất sâu rộng về tác phẩm của các vị hiền thánh Ấn độ, cùng nhiều tài liệu lịch sử liên quan đến các vị tổ sư chấp trì dòng truyền thừa. Đại sư dạy rằng ngày xưa Mật tông tối thượng du già thường phân biệt mật pháp cha [*father tantras*], mật pháp mẹ [*mother tantras*], và mật pháp bất nhị [*non-dual tantras*].

Ví dụ *Yamantaka* và *Guhyasamaja* là hai mật pháp cha, còn *Heruka*, *Hevajra* là mật pháp mẹ. Đại sư *Tsong Khapa* sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng về việc này, giải thích rằng phân loại như vậy là dựa vào nội dung chính của mỗi mật pháp. Mật pháp cha chủ yếu nhấn mạnh phương pháp thành tựu Báo ứng thân. Mật pháp mẹ chủ yếu nhấn mạnh phương pháp thành tựu Pháp thân. Còn mật pháp bất nhị thì nhấn mạnh phương pháp tu kết hợp thân và tâm nhiệm màu của Phật.

Nói tới mật pháp bất nhị là nói tới sự kết hợp không hai giữa hai lãnh vực qui ước và cứu cánh. Lãnh vực qui ước là đường tu phương tiện, dẫn đến thành tựu Báo ứng thân. Lãnh vực cứu cánh là đường tu trí tuệ, dẫn đến Pháp thân. Vì phương pháp tu này không phân chia hai lãnh vực phương tiện và Trí tuệ, nên gọi là bất nhị. Đại sư *Tsong*

Khapa nói rằng mọi mật pháp thuộc về Mật tông tối thượng du già nói cho thật chính xác thì đều phải gọi là mật pháp bất nhị, vì tất cả đều hướng dẫn cách tu kết hợp phương tiện và trí tuệ. Nhìn theo góc độ này, đại sư nói *Yamantaka*, *Guhyasamaja* hay *Heruka*, *Kalachakra*, đều là mật pháp bất nhị, vì tất cả mật pháp trong Mật tông tối thượng du già đều là như vậy, chứ không phải chỉ riêng mình *Kalachakra*.

Tuy nhiên nếu nhìn theo góc độ khác, xét tỉ mỉ nội dung thì *Kalachakra* đặc biệt nói đến Đại lạc bất động tối thượng. Đây là tên khác của tâm Chân như [mind of clear light]. Vì pháp tu bất nhị trong *Kalachakra* đặc biệt dựa trên tâm Chân như, nên đại sư Tsong Khapa gọi *Kalachakra* là mật pháp mẹ. Hai cách xếp loại này không mâu thuẫn.

Hỏi. Chúng sinh trong vô sắc giới không có thân hình vật lý như chúng sinh trong dục giới. Vậy thân vô sắc của *Kalachakra* so với thân của chúng sinh trong vô sắc giới khác nhau ra sao?

Đáp. Có những vị bồ tát trú trong vô sắc giới, thiên quán về tâm bồ đề, hay về tánh Không kết hợp với tâm bồ đề, nhưng không thể có ai trong vô sắc giới lại có khả năng vận dụng khí và tâm vi tế để quán tánh Không, thành tựu thân Phật màu nhiệm. Lý do rất đơn giản: phương pháp tu này dựa trên một loại thân thể vật lý mà chỉ loài người trong thế giới hệ này mới có được. Đọc kệ kinh thấy có những vị bồ tát ở những cõi tịnh độ hay ở ngoài thế giới hệ này, thường phát nguyện được sinh vào loài người để có được thân người như chúng ta đang có đây. Nhìn trên phương diện này, chúng ta có thể thấy thân người vốn mang sẵn một tiềm năng vô giá, đến các vị bồ tát cao trọng cũng nguyện mong có được thân người như vậy, để có thể vận dụng khí tâm vi tế mà quán chiếu tánh Không, thành tựu sắc thân của Phật. Nói như vậy để các anh chị hiểu thân người quý giá ra sao, đừng bao giờ phí phạm.

Hỏi. Vì sao *Kalachakra* lại liên quan đến hòa bình thế giới

Đáp: Nói chung tất cả mọi giáo pháp Phật dạy đều liên quan đến hòa bình thế giới. Tuy vậy, nếu nhìn lại mật pháp *Heruka*, hay *Yamantaka* vân vân, sẽ không thấy có nơi nào nói tới mối tương quan giữa vũ trụ bên ngoài – các hành tinh, tinh tú, thiên hà vân vân – và hệ thống khí mạch bên trong – khí, khí mạch, giọt tinh chất vân vân.

Trong mạn đà la *Kalachakra* có ba vòng tròn tượng trưng cho thân, miệng và ý. Vòng lớn nhất phía bên ngoài là mạn đà la thân, ở đó trú ngụ 360 vị thần, mỗi vị tương ứng

với một ngày trong năm: một năm 12 tháng mỗi tháng 30 ngày tổng cộng là 360 vị. Vậy mỗi vị thần trong mạn đà la thân liên quan đến một ngày trong năm, nói cách khác, liên quan đến một tinh hà [*a star constellation*].

Vòng tròn nhỏ hơn phía trong là mạn đà la miệng. Các vị thần ở đây trú ở nhiều nơi khác nhau, liên quan đến hệ thống khí mạch, tâm mạch, đến những luồng khí cũng như sự chuyển động của khí và giọt tinh chất vân vân. Đây là tấm bản đồ của tất cả mọi thành phần vật lý trong cơ thể chúng ta.

Vòng tròn nhỏ nhất phía trong cùng là mạn đà la ý. Các vị thần trú ngụ ở đây là những đấng Như lai, tượng trưng cho tập hợp tâm lý và vật lý [uẩn], cho các yếu tố vật lý [đại] vân vân. Nói như vậy để thấy toàn thể chúng sinh, từng cá nhân một, vũ trụ bên ngoài, toàn bộ môi trường sống, tất cả đều đồng loạt hiện trong mạn đà la *Kalachakra* trong sắc thái thanh tịnh nhất. Mật pháp *Kalachakra* chủ yếu chỉ dẫn phương pháp thanh tịnh hóa tất cả mọi sắc thái ô nhiễm thô lậu của toàn bộ nội tâm ngoại cảnh, để chuyển hóa thành sắc thân trong sáng thanh tịnh. Quá trình thanh tịnh hóa này cũng mang năng lực hộ trì về cho thế giới xung quanh.

Vậy điều này khá đơn giản. Mọi vấn đề xảy ra trong thế giới đều hoặc đến từ ngoại cảnh hoặc đến từ nội tâm. *Kalachakra* đối trị cả nội tâm lẫn ngoại cảnh, thuần phục tất cả bằng phương pháp tu rất đặc biệt. Vì vậy mà chúng ta thường nghe nói đến mối liên hệ đặc biệt giữa *Kalachakra* và hòa bình thế giới.

Các nhà thiên văn học Tây tạng từ xưa đã có khả năng đoán trước nhật thực, nguyệt thực, với bao nhiêu phần bị che khuất. Phương pháp dự đoán này khá chính xác, là nhờ căn cứ theo mật pháp *Kalachakra* để tính sự chuyển động của các hành tinh, tinh tú, hay thiên hà. Mật kinh *Kalachakra* nói về Thiên văn học chính xác như vậy, nên thầy tin *Kalachakra* chắc chắn có tiềm năng rất lớn, đủ sức giúp thanh tịnh hóa cá nhân con người cũng như môi trường sống xung quanh, mang hoà bình về cho thế giới.

Thầy hy vọng buổi nói chuyện này mang lại lợi lạc cho tất cả.

[Hết phần hỏi đáp]